



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020



Số 12 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng



0225.3593681 – 3641121 – 3593682



<http://sonhaiphong.com.vn>



MỤC LỤC

- I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- II. THÔNG TIN CHUNG
- III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- V. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY
- VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2020

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DOANH THU THUẦN ĐẠT 699,85 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 6,5%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẠT 104,04 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 24,82%

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng, tôi xin gửi tới tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng nhất cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trong năm 2020, mặc dù tình hình thị trường có rất nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt sự ảnh hưởng của Đại dịch COVID – 19 làm suy thoái kinh tế thế giới và trong nước nhưng Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng đã đạt được kết quả kinh doanh cao nhất từ trước đến nay: mở rộng thị phần, doanh thu đạt kế hoạch, lợi nhuận tăng cao, đảm bảo cổ tức cho cổ đông và nâng cao thu nhập của người lao động.

Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám Đốc, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và tính năng động, sáng tạo của tất

cả Cán bộ nhân viên Công ty, đặc biệt là sự ủng hộ của Quý cổ đông và sự tin tưởng gắn bó của Quý khách hàng, Sơn Hải Phòng đã hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Với những giải pháp đồng bộ, kịp thời cùng sự đoàn kết của cán bộ nhân viên, sự tin tưởng của Quý cổ đông sẽ là những động lực lớn để công ty tiếp tục vươn lên khẳng định vị thế của mình, và chúng ta hoàn toàn tin tưởng vào sự thành công và phát triển của Sơn Hải Phòng trong giai đoạn mới, tạo dựng được vị thế vững chắc trên thị trường.

Xin chân thành cảm ơn Quý vị đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng Sơn Hải Phòng trong thời gian qua, xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, an khang thịnh vượng!

Thay mặt HĐQT

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Văn Viện



II. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
4. Giới thiệu ban lãnh đạo
5. Định hướng phát triển
6. Các nhân tố rủi ro



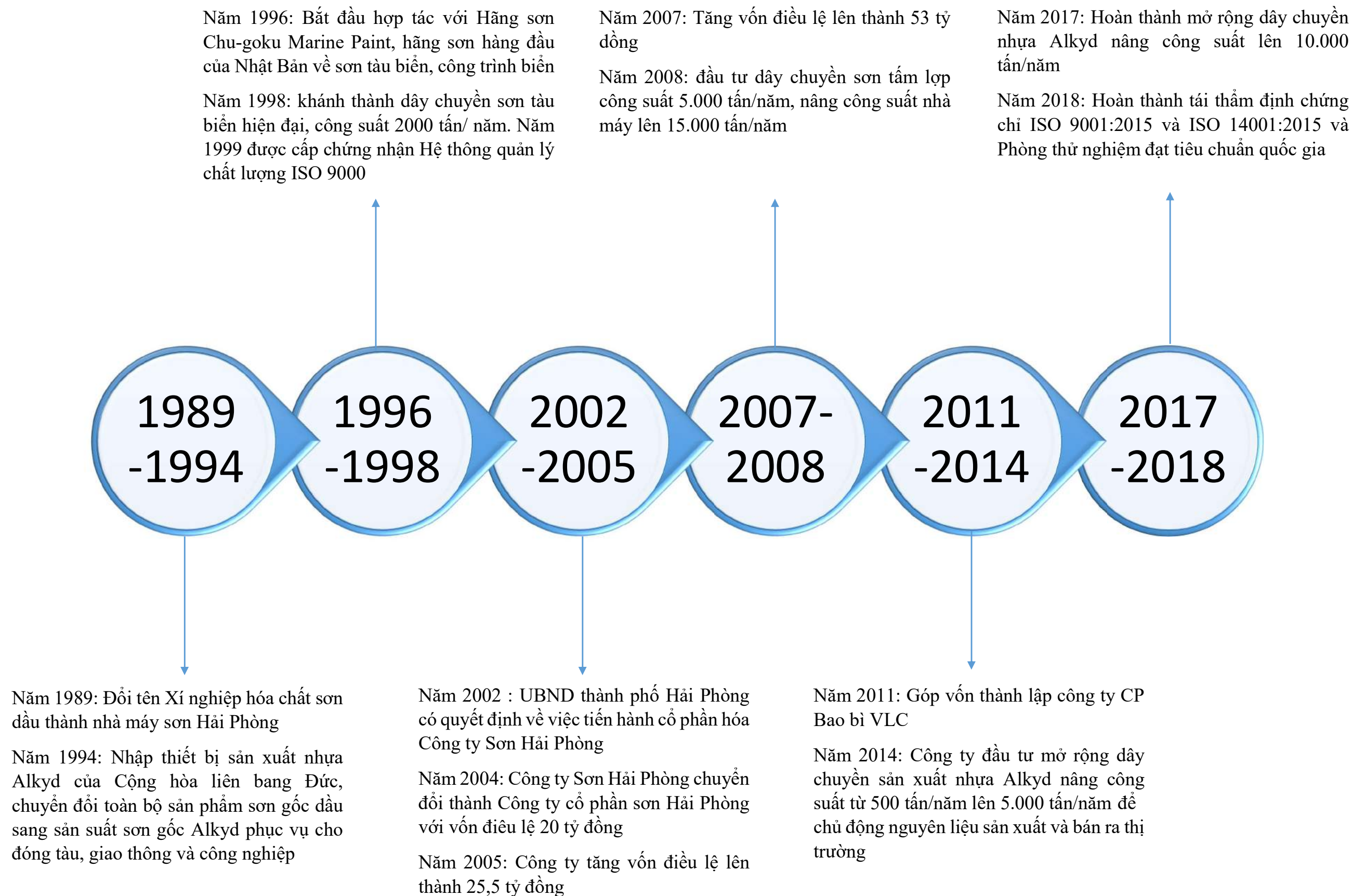
1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty cổ phần Sơn Hải phòng
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	0200575580
Vốn Điều lệ	80.071.770.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.071.770.000 đồng
Địa chỉ	Số 12 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Số điện thoại	0225.3593681 – 3641121 – 3593682
Website	http://sonhaiphong.com.vn
Số Fax	(84.225) 359 3680 - 357 1053
Mã cổ phiếu	HPP
Nơi niêm yết	Sàn giao dịch Upcom





Quá trình hình thành và phát triển





2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- ❖ Sản xuất và kinh doanh sơn các loại
- ❖ Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất thông thường

Các sản phẩm và dịch vụ kinh doanh chính

Sơn tàu biển là sản phẩm mũi nhọn của Công ty CP Sơn Hải phòng trên cơ sở chuyển giao công nghệ với hãng Chugoku Marine Paints (CMP) của Nhật Bản - 1 trong 3 hãng sơn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực này. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng là nhà cung cấp hàng đầu về sơn tàu biển và chiếm hơn 50% thị trường sơn tàu.

Sơn công nghiệp sản xuất theo công nghệ tiên tiến của hãng CMP – Nhật Bản. Trong những năm qua, sản phẩm sơn công nghiệp đã phục vụ hầu hết các công trình trọng điểm của đất nước như: Sơn cho các dự án nhà máy công nghiệp: xi măng, nhiệt điện, thủy điện, điện gió, giấy, hóa chất, cán thép, lọc dầu...



Sơn chống cháy SHP WB là loại sơn chống cháy hệ nước được hình thành từ gốc nhựa Poly vinyl acetate kết hợp với các thành phần chất chống cháy có nguồn gốc Photpho và nito thân thiện với môi trường và người sử dụng.

Sơn sàn công nghiệp Từ thế mạnh về sơn tàu biển, công trình biển, Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng đã tập trung phát triển các chủng loại sơn công nghiệp nặng, đặc biệt là sơn sàn công nghiệp. Sơn

sàn công nghiệp được thi công trên nền bê tông có tác dụng trang trí và bảo vệ bề mặt sàn, chống thấm nước, tăng cường khả năng chịu lực, chịu ăn mòn... Sản phẩm được áp dụng để sơn nền nhà xưởng công nghiệp, nhà máy chế biến thức ăn, văn phòng, trường học, nhà để xe, siêu thị. Hiện nay công ty CP Sơn Hải Phòng đã cung cấp cho các đơn vị như Xăng dầu KV 3, nhà máy dây cáp điện tàu thủy VINASHIN – Đà Nẵng, các sàn nhà xưởng của 7 thành viên trong Tập đoàn.



Nhựa Alkyd gồm nhựa Alkyd dài, Nhựa Alkyd trung, Nhựa Alkyd ngắn và Nhựa Alkyd FA

Sơn tấm lợp là dòng sản phẩm chất lượng cao trên cơ sở gốc nhựa Polyester biến tính, được thi công trên nền thép lá cuộn (HDGI, CR, EGO ...) tại các nhà máy sản xuất tôn mạ màu. Sản phẩm được ứng dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp, trong xây dựng, dân dụng. Công ty đã cung cấp sản phẩm sơn tấm lợp trong nhiều năm qua cho các khách hàng như CTCP Tôn Hoa Sen,

CTCP tập đoàn Hòa Phát, CTCP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long – Hà Nội, CTCP Tôn Vikor..

Sơn lót thép mạ kẽm AC – Zn là sơn lót hiệu quả cao, gốc nhựa Acryl-ic và khô do bay hơi dung môi. Đây là loại sơn dễ thi công và đặc biệt có khả năng đạt được độ dày màng sơn khô cao khi thi công bằng súng phun.



Địa bàn kinh doanh

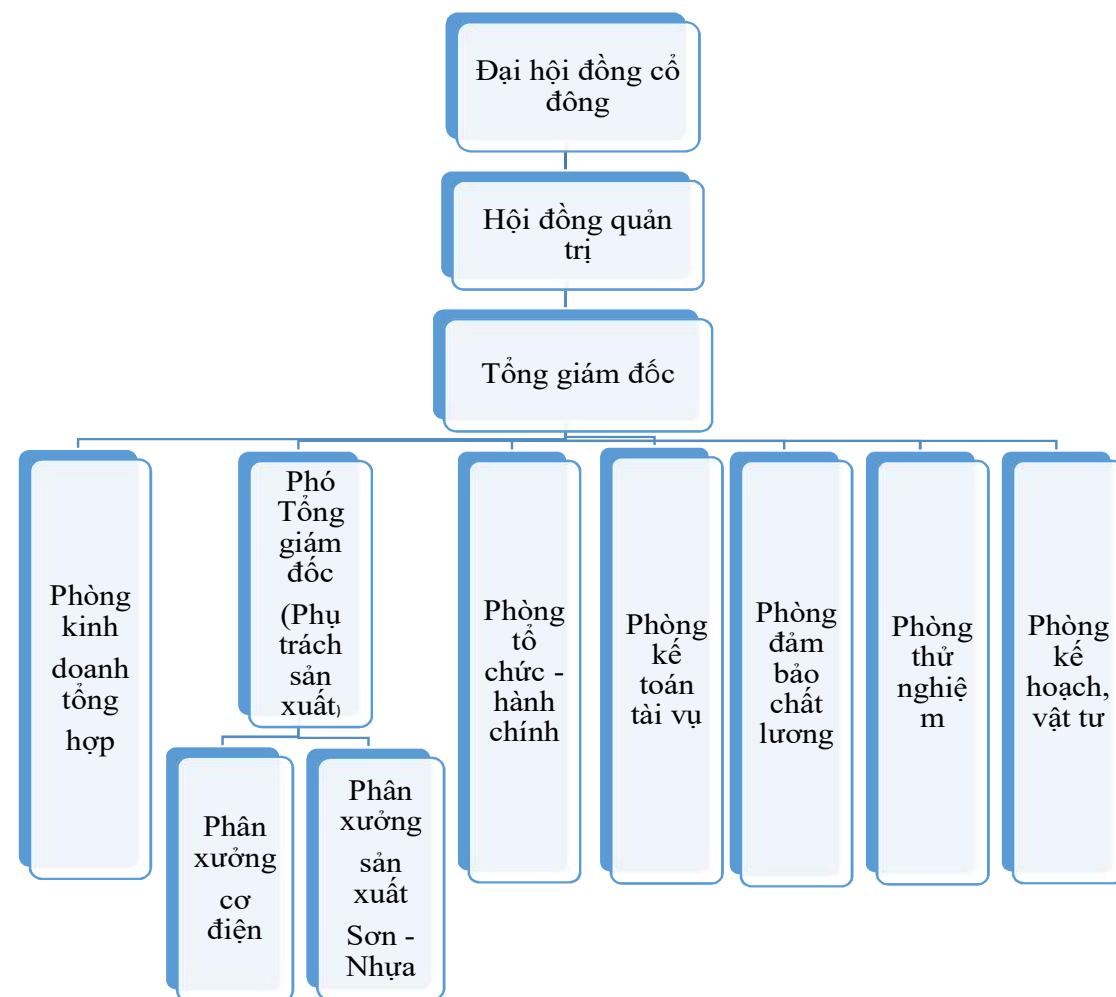
Định hướng trong tương lai Công ty sẽ mở rộng hệ thống kinh doanh phân phối sơn rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước; trọng tâm hiện tại ở thành phố Hải Phòng, các tỉnh miền Trung, Nam Trung Bộ và các vùng lân cận như: Hải Dương, Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Đà Nẵng, Quảng Ninh...





3. Mô hình quản trị công ty và bộ máy quản lý

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Sơn Hải Phòng. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

Ban kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Ban Giám đốc

Là ban có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Tổng Giám Đốc là người đại diện cho Công ty.





4. Giới thiệu ban lãnh đạo

Giới thiệu Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính đến 31/12/2020
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	615.142	7,68%
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc	330.537	4,13%
3	Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	236.483	2,95%
4	Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	41.909	0,52%
5	Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	126.219	1,58%

Ông Nguyễn Văn Viện



Ngày sinh	15/12/1944
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện, Đại học quản lý kinh tế
Trình độ chính trị	Trung cấp
Quá trình công tác	
09/1964 – 05/1982	Giáo viên Trường cơ điện Hải Phòng
06/1982 – 03/1989	Phó phòng Tổ chức lao động Sở Công nghiệp Hải Phòng
04/1989 – 12/2003	Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
01/2004 – 05/2015	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
05/2015 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Ông Nguyễn Văn Dũng



Ngày sinh	08/09/1972
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng, Kỹ sư hóa, Bằng Giám đốc điều hành chuyên nghiệp ProCEO của IBL, Chứng chỉ Tiếng anh của Cam - bridge
Trình độ chính trị	Trung cấp
Quá trình công tác	
1994 – 1998	Làm việc tại phòng kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng
1999 – 2003	Giám đốc chi nhánh Công ty Sơn Hải Phòng tại TP. Hồ Chí Minh
2004 – 07/2007	Thành viên HĐQT, Giám đốc chi nhánh Công ty CP Sơn Hải Phòng tại TP. Hồ Chí Minh
08/2007 – 05/2015	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn tàu biển Vinashin nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam
05/2015 – 04/2019	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng
05/2019 đến nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Sơn Hải Phòng

Ông Vũ Trung Dũng



Ngày sinh	20/06/1959
Trình độ chuyên môn	Đại học Hóa (Kỹ sư hóa dầu)
Quá trình công tác	
1983 – 01/1985	Thực tập tại nhà máy lọc dầu Tiệp Khắc
08/1985 – 04/1989	Phó phòng KCS – Xí nghiệp hóa chất sơn dầu
1990 – 1996	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng
1997 – 10/2000	Trưởng Chi nhánh Công ty Sơn Hải Phòng tại TP. Hồ Chí Minh
1997 – 04/2012	Giám đốc Marketing Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
11/2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Bà Bùi Kim Ngọc

Ngày sinh	16/12/1968
Trình độ chuyên môn	Kế toán tổng hợp – Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
Trình độ chính trị:	Trung cấp chính trị
Quá trình công tác	
10/1989 – 09/1999	Nhân viên phòng tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
10/1999 – 02/2005	Phó phòng Tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
03/2005 – 10/2008	Trưởng phòng tài vụ, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
11/2008 đến nay	Kế toán trưởng, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Ông Nguyễn Mộng Lân

Ngày sinh	09/01/1949
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư quá trình và thiết bị công nghiệp hóa chất
Quá trình công tác	
1973 – 1995	Viện thiết kế công nghiệp hóa chất
1994 – 1997	Công ty TNHH DASO
1995 – 1997	Phó Tổng Giám đốc Liên doanh hóa chất SOFT
1997 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Vico

Giới thiệu Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính đến 31/12/2020
1	Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng ban kiểm soát	10.838	0,14%
2	Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên Ban KS	19.543	0,24%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên Ban KS	40.444	0,51%

Bà Lã Quỳnh Chi

Ngày sinh	22/02/1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế QTKD
Trình độ chính trị	Sơ cấp
Quá trình công tác	
1984 – 1989	Kế toán Ngân hàng Lê Chân
1990 – 1993	Kế toán Trung tâm dịch vụ Công nghiệp – Du lịch
1994 – 2014	Phòng KD – Trưởng phòng KD – Giám đốc Bán hàng – Phó TGD Công ty TNHH VICO
2014 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

**Bà Hoàng Thị Thu**

Ngày sinh	16/07/1964
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa
Quá trình công tác	
01/1991 – 08/1997	Nhân viên Phòng Kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng
09/1997 – 01/2001	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng
02/2001 – 09/2005	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
10/2005 đến nay	Giám đốc kỹ thuật Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

**Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm**

Ngày sinh	15/02/1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - Kế toán thương mại
Quá trình công tác	
05/1986 – 11/1990	Nhân viên Phòng Kế hoạch vật tư và phòng Tổ chức hành chính xí nghiệp mạ điện Hải Phòng
12/1990 – 09/1998	Nhân viên Phòng TCHC Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
10/1998 đến nay	Nhân viên phòng QA Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

5. Định hướng phát triển

Định hướng về công tác kinh doanh

Phát triển thị trường sơn đặc biệt là sơn dân dụng, sơn tàu biển, sơn sàn, sơn chống cháy và sơn tấm lợp. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động cho hệ thống Đại lý thông qua việc hoàn thiện cơ chế chính sách và cơ chế giám sát kiểm soát chặt chẽ. Đẩy mạnh phát triển thương hiệu thông qua những chiến dịch quảng cáo, xây dựng thương hiệu tốt thân thiện với môi trường được nhiều người tin dùng.



Định hướng về phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường xây dựng các chính sách lương thưởng phúc lợi hấp dẫn đối với cán bộ công nhân viên, có chính sách tìm kiếm thu hút nhân tài để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hoạt động trong doanh nghiệp

Định hướng về công tác sản xuất

Không ngừng đổi mới và nâng cấp trang thiết bị phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đến từ phía khách hàng cũng như người tiêu dùng về sản phẩm an toàn, thân thiện môi trường từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty. Tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý ISO 9001:2015 và ISO14001:2015 để đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín của Công ty trên thị trường và trách nhiệm đối với xã hội.



Định hướng phát triển thương hiệu và truyền thông

Phát triển bộ nhận diện thương hiệu, làm nổi bật hình ảnh của Công ty đối với khách hàng với những sản phẩm với chất lượng tuyệt vời, thân thiện với môi trường, trong đó chú trọng vào truyền thông, quảng cáo qua mạng.





6. Rủi ro

a. Rủi ro bên ngoài

Rủi ro về kinh tế

Kinh tế thế giới với nhiều biến động: chiến tranh thương mại; giá dầu biến động không ngừng... Sự thay đổi của nền kinh tế thế giới sẽ gây những ảnh hưởng nhất định đối với nền kinh tế trong nước nói chung và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng của GDP Việt Nam năm 2020 tăng 2.91% so với năm 2019, mức tăng trưởng này thuộc nhóm nước tăng trưởng cao nhất thế giới.

Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào thị trường khu vực và thế giới, doanh nghiệp trong nước nói chung và doanh nghiệp ngành sản xuất sơn nói riêng có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất, kinh doanh, gia tăng giá trị. Tăng cường hội nhập cũng đồng nghĩa với mở rộng đối thủ cạnh tranh, doanh nghiệp không chỉ cạnh tranh với doanh nghiệp trong nước mà còn với các hãng sơn nổi tiếng trên thế giới.

Rủi ro về pháp luật

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia có ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung. Sơn Hải phòng là doanh nghiệp đại chúng hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp sản xuất, chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Môi trường, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ... Những thay đổi về pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn thiện hệ thống tạo môi trường thông thoáng và đơn giản hóa các thủ tục hành chính để đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh

Giải pháp khắc phục

Kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo cấu trúc vốn an toàn. Phát triển kênh phân phối, hệ thống chăm sóc khách hàng, mở rộng đầu ra cho sản phẩm. Liên doanh liên kết với các hãng sơn lớn trên thế giới, đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, sản phẩm đặc thù, phát triển thị trường.



ng nghiệp tốt nhất, do đó rủi ro pháp luật ít ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Giải pháp khắc phục

Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp lý liên quan hoạt động của doanh nghiệp, những thay đổi về chính sách pháp luật và kịp thời ứng dụng, điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và hoạt động của Doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết Công ty sử dụng các đơn vị tư vấn pháp lý chuyên nghiệp để hạn chế tối đa rủi ro, tránh tranh chấp có thể xảy ra.

Rủi ro về lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái

• Về lạm phát: lạm phát cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty làm chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, hiệu quả kinh doanh giảm sút... Tuy nhiên, mấy năm gần đây lạm phát cao tại Việt Nam được ổn định, duy trì ở mức thấp là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

• Về lãi suất: lãi suất huy động vốn cho doanh nghiệp cao sẽ làm chi phí tài chính của doanh nghiệp vay vốn từ đó giảm hiệu suất kinh doanh tuy nhiên rủi ro này đối với Công ty là thấp vì tỷ lệ các khoản vay của Công ty là không cao.

b. Rủi ro nội tại

Rủi ro nguyên liệu

Hiện nay, nguyên liệu chính (Bột màu, bột phụ trợ, chất tạo màng...) của ngành sản xuất Sơn trong nước nói chung và của Công ty nói riêng chủ yếu được nhập khẩu từ Indonesia, Singapore, Thái Lan ... Do đó, những sự biến động về kinh tế - chính trị của các nước này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty. Do nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 60 - 65% giá thành sản phẩm) trong giá thành sản phẩm nên biến động giá cả nguyên vật liệu cũng tác động lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



• Về tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nếu tỷ giá tăng thì chi phí đầu vào của công ty cũng tăng theo, trong khi giá bán sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến doanh thu của công ty vì nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là được nhập khẩu.

Giải pháp khắc phục

Thường xuyên đánh giá sự biến động về tài chính, chủ động sử dụng các biện pháp phòng ngừa, đảm bảo cấu trúc vốn tối ưu, giảm thiểu tác động bất lợi trước những biến động thị trường tài chính trong và ngoài nước.

Giải pháp khắc phục

Công ty luôn chủ động trong việc xác định sớm thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu để xây dựng dự toán khối lượng phục vụ cho sản xuất chính xác và kiểm soát được giá cả.

Công ty luôn chủ động nghiên cứu thị trường, có chiến lược hợp lý trong việc đặt mua nguyên vật liệu ở những thời điểm giá tốt và dự trữ nguồn nguyên vật liệu để có thể đảm bảo hoạt động sản xuất được tiến hành liên tục và đạt hiệu quả cao. Đầu tư cho sản xuất nhựa alkyd, nghiên cứu sản xuất nhựa Polyester ..., nội địa hóa nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất sơn để tự chủ hơn về nguồn nguyên vật liệu.



Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất sơn trong đó sản phẩm chủ đạo là sơn tàu biển. Đây là một lĩnh vực liên quan đến các loại hóa chất nên đây có thể coi là một ngành nghề nhạy cảm và có rủi ro cao do có khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường. Ngoài ra trong quá trình sản xuất, Công ty còn phải đối mặt với nguy cơ cao về cháy nổ do các nguyên liệu để sản xuất sơn chủ yếu có nguồn gốc từ dầu mỏ. Hơn thế nữa, khí sơn phát sinh trong quá trình sản xuất có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của các cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực nhà máy.

Giải pháp khắc phục

Nghiên cứu sản phẩm thân thiện môi trường thay thế sản phẩm truyền thống, sử dụng dung môi nước, nguyên liệu không độc hại cho môi trường phù hợp công ước quốc tế và luật bảo vệ môi trường. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nhà máy- hiện đại hóa quy trình sản xuất, đầu tư văn phòng làm việc khang trang hiện đại. Tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường, phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên tuyên truyền, đào tạo - tập huấn nâng cao ý thức của CBNV về phòng cháy chữa cháy, giữ gìn vệ sinh môi trường nơi làm việc.

Rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh không thể tránh khỏi những sai sót trong việc quản lý tài chính, tài sản, nguồn vốn... và đầu tư do còn phụ thuộc nhiều vào các tác động của thị trường và các tác nhân bên ngoài khác.

Do đó Công ty cần phải đánh giá chính xác được tình hình tài chính, lên kế hoạch quản lý vốn hiệu quả để rủi ro ở mức thấp nhất.



III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Tình hình hoạt động sản xuất
kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	TH 2020	KH 2020	TH2020/ TH2019	TH2020/ KH2020
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	656,79	699,85	700	106,50	99,98
2	Sản lượng tiêu thụ sơn , nhựa Alkyd	Tấn	9.925	10.366	11.000	104,40	94,20
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	83,35	104,04	80	124,82	130,05
4	Tỷ lệ cổ tức	%	30	30	30	100	100

Năm 2020 là năm cực kỳ khó khăn đối với tất cả các doanh nghiệp trong nước và thế giới, hầu hết các Công ty đều bị ảnh hưởng bởi dịch COVID : sụt giảm sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.

Đối với Sơn Hải phòng cũng vậy, Công ty phải thực hiện mục tiêu kép vừa thực hiện phòng chống dịch bệnh bảo đảm an toàn cho Công ty và người lao động, vừa phát triển sản xuất kinh doanh. Với sự quyết liệt, năng động của Ban điều hành, sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên , chúng ta đã đạt được một kỳ tích của năm 2020: kết quả cao nhất từ trước tới nay về doanh thu và lợi nhuận, vượt kế hoạch Đại hội thông qua và cao hơn từ 5 – 25% so với cùng kỳ.

- Doanh thu - lợi nhuận: vượt kế hoạch Đại hội thông qua và cao hơn 6,5% so với cùng kỳ
- Thị trường – sản phẩm: tiếp tục giữ vững thế mạnh về mảng sơn tàu biển, sơn dân dụng và đại lý, sơn công nghiệp, nhựa Alkyd
- Nguồn cung cấp: ổn định, là các đối tác lâu năm - uy tín



PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN

- Công ty đã có chiến lược kinh doanh, chiến lược sản phẩm đúng hướng nên đã thu hút được nhiều khách hàng, đặc biệt các khách hàng tàu biển lớn
- Chính sách tiếp cận khách hàng tàu biển tư nhân đã phát huy tác dụng nên sản lượng Sơn tàu biển tiêu thụ vượt trội so với năm trước, bù đắp lượng sơn Hải Phòng sụt giảm
- Công ty đã áp dụng cơ chế chính sách linh hoạt đối với đại lý, nhà phân phối . Đã đưa sản phẩm sơn Economy và sơn trên bề mặt thép mạ kẽm ra thị trường qua hệ thống đại lý và bán trực tiếp cho khách hàng.
- Đầu tư thêm thiết bị, công thức nhựa Alkyd, nâng cao chất lượng nhựa, mở rộng thị trường nhựa giúp nâng cao doanh thu.





2. Tổ chức và nhân sự

Thành viên Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng giám đốc	4,13%
2	Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng giám đốc	0,52%
3	Bà Bùi Kim Ngọc	Kế toán trưởng	2,95%

Trong năm Công ty không có sự thay đổi về thành viên ban điều hành.

Số lượng cán bộ nhân viên

STT	Tiêu chí	Năm 2019		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	103	55,08	105	55,56
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	29	15,51	33	17,46
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật		-		
4	Lao động phổ thông	55	29,41	51	26,98
II	Theo đối tượng lao động				
1	Lao động trực tiếp	62	33,16	63	33,33
2	Lao động gián tiếp	125	66,84	126	66,67



Chính sách đối với người lao động

Chính sách lương thưởng phúc lợi

Nhân lực là nền tảng cốt lõi để vận hành bộ máy của Công ty. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng. Theo đó Ban lãnh đạo đã xây dựng một chính sách lương thưởng phù hợp, khuyến khích người lao động tham gia tích cực vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: lương khoán sản phẩm đối với bộ phận sản xuất và khoán doanh thu cho bộ phận bán hàng. Công ty cũng xây dựng cơ chế lương ưu đãi riêng cho cán bộ nhân viên tham gia vào hoạt động phân tích nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và sản phẩm mới của công ty.

Đối với từng cá nhân, công ty đều xây dựng chính sách đãi ngộ xứng đáng, phù hợp với năng lực chuyên môn, tinh thần làm việc và cống hiến. Ngoài ra, những tập thể xuất sắc, có đóng góp nổi bật cho các mặt hoạt động trong năm đều được khen thưởng, động viên kịp thời, xứng đáng.

Năm	Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)
2016	16.010.000
2017	15.915.000
2018	16.120.000
2019	19.940.000
2020	22.700.000

Đào tạo người lao động

Công ty luôn duy trì tốt công tác đào tạo, đã phối hợp với các trung tâm đào tạo tổ chức nhiều khóa học cho người lao động. Ngoài ra, công tác đào tạo



nội bộ cũng được ưu tiên, giảng viên nội bộ truyền đạt kinh nghiệm thực tế kết hợp với đào tạo trường lớp về chuyên môn.

Các chương trình đào tạo đã được triển khai trong năm vừa qua:


- Đào tạo về quản lý hóa chất: 1 ngày, 3 cán bộ
- Đào tạo về các phép thử: 1 ngày, 3 cán bộ
- Huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm: 2 ngày, 6 cán bộ.
- Kỹ năng vận hành thiết bị sx sơn, nhựa, đóng gói sản phẩm: 3,5 giờ, 51 cán bộ.
- Quy trình vận hành và vệ sinh thiết bị nghiền: 2 giờ, 6 cán bộ.
- Huấn luyện tuyên truyền PCCC: 1 ngày, 198 cán bộ.
- Huấn luyện ATVSLĐ: 1 ngày, 188 cán bộ.
- Huấn luyện an toàn hóa chất: 1 ngày, 117 cán bộ






3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ


Tổng đầu tư trong năm đạt 5,73 tỷ đồng , gồm các hạng mục sau:



Máy móc thiết bị: 5,12 tỷ đồng



Nhà cửa: 0,35 tỷ



Thiết bị dụng cụ phòng thử nghiệm: 0,26 tỷ



Công ty con, công ty liên kết

a. Công ty con



Tên công ty con	Công ty cổ phần sơn Hải Phòng số 2
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty cổ phần
Địa chỉ	KCN Trảng Duệ, An Dương, Hải Phòng
Điện thoại	0225.3.929.268
Fax	0225.3.929.269
Email	Tin.hp@hpp2.com
Website	http://www.hpp2.com.vn/
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất sơn nước và tĩnh điện
Tỷ lệ nắm giữ	51% (vốn điều lệ 20,85 tỷ đồng)
Quy mô hoạt động	Công suất sản xuất 6000 tấn/năm sơn bột, sơn trang trí các loại

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	137,28	190,67	38,89%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	10,8	10,8	0,00%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	10,03	10,42	3,89%



Tên công ty con	Công ty TNHH Nhựa Phoenix
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty TNHH một thành viên
Địa chỉ	Tầng 8 tòa nhà SHP PLAZA, số 12 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Điện thoại	0225.3.929.268
Fax	0225.3.929.269
Lĩnh vực kinh doanh chính	Bán buôn hạt nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, nhựa Poly ester, nhựa Acrylic; Bán buôn hóa chất ngành sơn; Bán buôn sơn công nghiệp, mực in, keo
Tỷ lệ nắm giữ	100% (vốn điều lệ 6 tỷ đồng)

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	127,43	163,03	27,94%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	0,04	0,12	200%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	0,032	0,101	215,63%

b. Công ty liên kết



Tên công ty liên kết	Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty TNHH 2 thành viên
Địa chỉ	Số 21 đường 208 – Xã An Đồng – Huyện An Dương – Tp. Hải Phòng
Lĩnh vực kinh doanh chính	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa không thuộc danh mục không được phân phối theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên
Tỷ lệ nắm giữ	50%
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng được thành lập năm 2018, liên doanh giữa công ty cổ phần Sơn Hải Phòng và Công ty TNHH Sơn Samhwa Vina. Hiện đang chuyên cung cấp các sản phẩm sơn tầm lợp

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	95,14	73,59	-22,65%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	2,2	4,19	90,45%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	1,97	3,49	77,16%



Tên công ty liên kết	Công ty cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty cổ phần
Địa chỉ	Số 12 Lạch Tray, Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Điện thoại	(0225)3.250.368
Fax	0225.3.250.968
Email	shphaiphong@gmail.com
Lĩnh vực kinh doanh chính	Kinh doanh bất động sản
Tỷ lệ nắm giữ	41,52%
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu được thành lập ngày 22/09/2009 với chức năng kinh doanh bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng với năng lực tài chính hiện có – Dự án SHP tại số 12 Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng với quy mô 28 tầng nổi và 2 tầng hầm được thiết kế bởi công ty kiến trúc hàng đầu Nhật Bản – Công ty TNHH tư vấn XD FUJINAMI. Dự án là tổ hợp Căn hộ cao cấp, Văn phòng, Trung tâm thương mại và Khách sạn quốc tế 5 sao sẽ tạo điểm nhấn đặc biệt nổi bật và ấn tượng cho thành phố Hải Phòng.

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	152,83	83,26	-45,52%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	-12,3	-14,67	
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-12,03	-9,85	

Tên công ty liên kết	Công ty cổ phần tập đoàn VLC
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty cổ phần
Địa chỉ	Số 21 đường 208 – An Đồng – An Dương – Hải Phòng
Điện thoại	02253.292019
Fax	02253.571053
Email	support@vlc-group.com
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sơn, bột giặt và hóa mỹ phẩm, bao bì, bất động sản
Tỷ lệ nắm giữ	32,94%
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	Tháng 03/2010 tập đoàn VLC chính thức được thành lập bao gồm 08 công ty thành viên, thuộc 04 nhóm sản phẩm chính: Sơn, bột giặt và hóa mỹ phẩm, bao bì, bất động sản.
Quy mô hoạt động	Quy mô: lĩnh vực sơn 20.000–30.000 tấn/năm, lĩnh vực bột giặt và nước rửa chén 120.000-150000 tấn/năm (công ty TNHH Vico), Tháp bột giặt công suất 50.000-75.000 tấn/năm, các loại chất tẩy rửa dạng lỏng từ 20.000-30.000 tấn /năm(công ty cổ phần VILACO)

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	1,55	0,71	-54,19%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	-0,62	0,089	
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-0,62	0,089	



Tên công ty liên kết	Công ty cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty cổ phần
Địa chỉ	Lầu 10, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại	0282.2205.321
Email	pvpaint@pvpaint.vn
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất và mua bán: các loại sơn (cho các lĩnh vực tàu biển, công trình biển, công nghiệp, công trình giao thông, cầu thép, bột tĩn điện, trang trí, xây dựng dân dụng), nguyên liệu, trang thiết bị phục vụ ngành công nghiệp tàu thủy bột giặt và hóa mỹ phẩm, bao bì, bất động sản.
Tỷ lệ nắm giữ	31,21%
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	<p>Công ty cổ phần sơn dầu khí Việt Nam (PV Paint) được thành lập ngày 3 tháng 10 năm 2006 trên cơ sở liên doanh giữa tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng.</p> <p>Nhà máy sản xuất của PV Paint được xây dựng trên diện tích 30.000 m2, công suất 10.000 tấn/năm, khởi công ngày 1/6/2007 và khánh thành ngày 21/01/2008 (Số 11, đường số 2, Khu công nghiệp Sóng thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).</p> <p>Là nhà máy hiện đại bậc nhất Việt Nam tính đến thời điểm này với dây chuyền sản xuất đồng bộ được nhập từ hãng Inoue Nissei (Japan), cùng công nghệ sản xuất sơn tiên tiến, ưu việt, được chuyển giao trực tiếp từ hãng Chukogu Marine Paint (Japan), một trong sáu hãng sơn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực sơn tàu biển và công trình biển.</p>

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	128,08	111,69	-12,80%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	5,67	4,38	-22,75%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	4,54	3,32	-26,87%

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	%tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	tỷ đồng	761,06	870,10	14%
Doanh thu thuần	tỷ đồng	795,84	854,21	7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	tỷ đồng	86,91	110,41	27%
Lợi nhuận khác	tỷ đồng	0,77	0,18	-77%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	87,67	110,60	26%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	87,14	105,29	21%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	29%	23%	-21%

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính đều cho thấy sự tăng trưởng so với năm 2019. Trong đó tổng tài sản tăng mạnh tới 14%, từ khoảng 761 tỷ lên đến hơn 870 tỷ khi mà cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều ghi nhận mức tăng so với năm 2019. Ấn tượng nhất là sự tăng trưởng mạnh mẽ của lợi nhuận thuần khi tăng tới 27% dù doanh thu thuần chỉ tăng 7%, có được kết quả chủ yếu đến từ việc tỷ lệ tăng của giá vốn hàng bán nhỏ hơn so với tỷ lệ tăng doanh thu. Lợi nhuận khác có sự sụt giảm mạnh, tuy nhiên trên thực tế lợi nhuận khác chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong lợi nhuận trước thuế và con số tuyệt đối cũng không đáng kể nếu so sánh với quy mô của công ty. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức giảm do công ty vẫn giữ mức cổ tức là 30%, nhưng lợi nhuận sau thuế lại lớn hơn so với năm 2019.





Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	%tăng/giảm
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,16	1,25	8%
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,79	0,88	12%
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	52,30%	49,25%	-6%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	109,64%	101,91%	-7%
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>				
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	4,28	4,12	-4%
Vòng quay tổng tài sản	vòng	1,15	1,05	-9%
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,95%	12,33%	13%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	24,00%	25,04%	4%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11,45%	12,10%	6%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,92%	12,93%	18%

Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu khả năng thanh toán đều được cải thiện rõ rệt so với năm 2019. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2020 là 1,25 lần, trong khi đó hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2019 là 1,16 lần; trong khi đó hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 0,79 lần năm 2019 lên đến 0,88 lần năm 2020. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của Công ty đã được cải thiện rõ rệt

Chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn

Công ty đã có phần tự chủ hơn về nguồn vốn hoạt động khi mà hệ số nợ trên tổng tài sản chỉ còn ở mức 49,25% so với mức 52,3% của năm 2019. Tương tự, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng giảm từ mức 109,64% của năm 2019 về còn 49,25%. Nhìn chung cơ cấu nguồn vốn của công ty giữ ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ổn định tình hình tài chính.

Chỉ tiêu năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động sụt giảm nhẹ so với năm 2019, cụ thể vòng quay hàng tồn kho giảm 0,26 vòng và vòng quay tổng tài sản giảm 0,1 vòng. Nhìn chung mức giảm này là không đáng kể, nguyên nhân một phần đến từ những khó khăn chung trong việc tiêu thụ hàng tồn kho đến từ những nhân tố vĩ mô và sự tăng về quy mô tài sản của công ty.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Dù chỉ tiêu năng lực hoạt động của Công ty giảm nhẹ nhưng ngược lại, chỉ tiêu về khả năng sinh lời ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể. Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng 13%, hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tăng 4% và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần tăng tới 18%. Đây là một kết quả hết sức đáng khích lệ trong bối cảnh khó khăn chung của toàn ngành, cho thấy khả năng tiết giảm chi phí từ đó gia tăng biên lợi nhuận hiệu quả của Ban điều hành.





5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

a. Cổ phần

Tính đến thời điểm 31/12/2020:

- Số cổ phần phổ thông: 8.007.177 cổ phiếu
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.007.177 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 7.760.436 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 46.741 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ



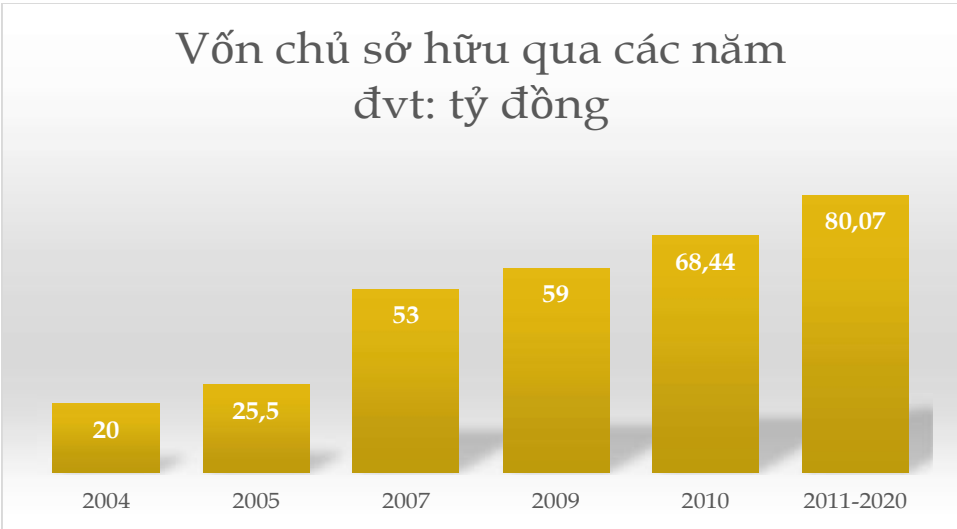
b. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu	Số lượng	Tỷ lệ
cổ đông lớn	2.290.670	28,61%
cổ đông nhỏ	5.716.507	71,39%
Tổng	8.007.177	100%
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân		
cổ đông cá nhân	6.581.748	82,20%
cổ đông tổ chức	1.425.429	17,80%
Tổng	8.007.177	100%
Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài		
cổ đông trong nước	7.150.141	89,30%
cổ đông nước ngoài	857.036	10,70%
Tổng	8.007.177	100%

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: không hạn chế



c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



Ngày 5/8/2010, Công ty chính thức giao dịch 5.900.000 cổ phiếu trên sàn chứng khoán Upcom, sau đó ngày 26/11/2010 giao dịch bổ sung 943.916 cổ phiếu. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm đó là 68.439.160.000 đồng.

Ngày 19/5/2011, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 17% , nâng vốn đầu tư của chủ sở hữu lên thành 80.071.770.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 46.471 cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: không có

e. Chứng khoán khác: không có.





6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình hoạt động, quản lý việc sử dụng nguyên vật liệu được ban lãnh đạo Công ty đánh giá là một công tác hết sức cần thiết, vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế, vừa đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí, chống thất thoát và bảo vệ môi trường.

Chi phí nguyên vật liệu sản xuất theo đúng định mức Công ty ban hành: thường xuyên thực hiện theo dõi, rà soát tình hình thực hiện tiêu hao vật tư, nguyên phụ liệu, nhiên liệu động lực trong sản xuất từng loại sản phẩm, nghiên cứu điều chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật để tiết



kiệm chi phí sản xuất. Đầu tư, nghiên cứu kết hợp với tham khảo một số đơn vị bạn, thực hiện tiết kiệm định mức

nguyên liệu bằng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.

Số lượng tiêu hao nguyên vật liệu trong năm 2020 cụ thể như sau:

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng (tấn)	Trị giá (triệu đồng)
1	Dung môi	3.096	53.677
2	Nhựa	2.702	110.582
3	Bột	4.318	144.608
4	Phụ gia, nguyên liệu khác	3.772	146.813

Tiêu thụ năng lượng, nước

Công ty đánh giá việc tiết kiệm năng lượng là một trong những tiêu chí hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững.

Thực hiện tốt chính sách sử dụng năng lượng tiết kiệm, vận động và tuyên truyền nội bộ tuân thủ nghiêm các quy định, quy trình về sử dụng năng lượng tiết kiệm là đang góp phần phát triển kinh tế của Công ty cũng như của toàn xã hội.

Số liệu tiêu thụ năng lượng, nước của công ty trong năm 2020 như sau:

STT	Loại	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng
1	Điện	Kw	2.500.576
2	Xăng	Lít	0
3	Dầu DO	Lít	338.040
4	Nước	M ³	13.113



Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, thực hiện pháp luật của Công ty nghiêm túc. Hệ thống quản lý chất lượng - môi trường thực hiện đúng tiêu chuẩn phiên bản năm

2015. Các cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt và công tác báo cáo môi trường theo định kỳ được Công ty thực hiện đầy đủ, đúng hạn.

Chính sách liên quan đến người lao động

❖ Số lượng lao động

STT	Tiêu chí	Năm 2019		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	103	55,08	105	55,56
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	29	15,51	33	17,46
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	-	-	-	-
4	Lao động phổ thông	55	29,41	51	26,98
II	Theo đối tượng lao động				
1	Lao động trực tiếp	62	33,16	63	33,33
2	Lao động gián tiếp	125	66,84	126	66,67
III	Theo giới tính				
1	Nam	142	75,94	143	75,66
2	Nữ	45	24,06	46	24,34
IV	Theo thời hạn HĐLĐ				
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm			5	2,65
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	17	9,09	15	7,94
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	170	90,91	169	89,41
V	Theo độ tuổi				
1	Từ 18 đến 25 tuổi	7	3,74	4	2,11
2	Từ 26 đến 35 tuổi	65	34,76	50	26,46
3	Từ 36 đến 45 tuổi	56	29,95	71	37,57
4	Trên 45	59	31,55	64	33,86
Tổng cộng		187	100	189	100



❖ Mức lương và số giờ đào tạo trung bình:

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	16.010.000	15.915.000	16.120.000	19.940.000	22.700.000
Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)		0,4	24,7	8,5	7,6

Công tác đào tạo nhằm nâng cao tay nghề, trình độ quản lý, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được ban lãnh đạo Công ty tổ chức thường xuyên, cụ thể:

- Đào tạo về quản lý hóa chất: 1 ngày, 3 cán bộ
- Đào tạo về các phép thử: 1 ngày, 3 cán bộ
- Huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng CN nguy hiểm: 2 ngày, 6 cán bộ.
- Kỹ năng vận hành thiết bị sx sơn, nhựa, đóng gói sản phẩm: 3,5 giờ, 51 cán bộ.
- Quy trình vận hành và vệ sinh thiết bị nghiền: 2 giờ, 6 cán bộ
- Huấn luyện tuyên truyền PCCC: 1 ngày, 198 cán bộ.
- Huấn luyện ATVSLĐ: 1 ngày, 188 cán bộ.
- Huấn luyện an toàn hóa chất: 1 ngày, 117 cán bộ



Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, ý tế, tai nạn, chế độ phúc lợi,

chế độ thai sản, tặng quà sinh nhật, tặng quà ngày Lễ, Tết, quốc khánh, tặng quà sinh nhật và bảo hiểm kết hợp về con người.... cho người lao động theo đúng Luật Lao Động và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

Sự quan tâm và hỗ trợ người lao động luôn được cân nhắc tại Công ty. Công ty không ngừng quan tâm, nâng cao đời sống sinh hoạt lành mạnh và sức khỏe cho CB – CNV bằng cách tạo điều kiện cơ sở vật chất cho họ tham gia các hoạt động thể dục thể thao, khám sức khỏe định kỳ, tham quan,



nghi mát, phát động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao trong toàn Công ty, xây dựng sân bóng chuyền, Cầu lông, bóng bàn, bóng đá mi-ni, tổ chức học ngoại ngữ mời giáo viên người nước ngoài, học dancing. Thực hiện phong trào vệ sinh



xanh sạch đẹp, xây dựng một nét văn hóa riêng cho Công ty Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng.

Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Ngoài nhiệm vụ ổn định sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo công ty luôn xác định trách nhiệm phải đóng góp một phần sức lực cũng như tài chính cho công tác an sinh – xã hội tại địa phương, góp phần

phát triển cộng đồng. Trong năm vừa qua, công ty đã có những đóng góp hết sức thiết thực và ý nghĩa cho cộng đồng thông qua một số chương trình, chính sách hỗ trợ người dân địa phương như sau:

STT	Các chương trình cộng đồng - xã hội tham gia năm 2020 (ủng hộ người nghèo, khuyến học,...)	Số tiền (Đồng)
1	Trợ dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng	24.000.000
2	Trợ dưỡng người tàn tật, cô đơn	26.400.000
3	Ủng hộ đồng bào Miền trung bị ảnh hưởng bão lũ	500.000.000
4	Ủng hộ Bệnh viện Việt Tiệp và Cụm dân cư đường 208 chống dịch bệnh COVID - 19	120.000.000
5	Các hoạt động từ thiện khác	55.000.000
6	Tặng quà con người lao động đạt học sinh giỏi , tiên tiến năm học	54.600.000



IV. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



“Với sự quyết liệt, năng động của Ban điều hành, sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, chúng ta đã đạt được một kỳ tích của năm 2020: kết quả cao nhất từ trước tới nay về doanh thu và lợi nhuận, vượt kế hoạch Đại hội thông qua và cao hơn từ 5 – 25% so với cùng kỳ.”

Ông Nguyễn Văn Dũng
Tổng giám đốc

Công ty giữ vững vị thế trên thị trường, ổn định tài chính đồng thời phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường. Công ty đã đạt được nhiều thành tích quan trọng sau:

TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận tốt nhất Việt nam năm 2020.

Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố : Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng đã có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng năm 2020

Công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, thực hiện pháp luật của Công ty nghiêm túc.

Hệ thống quản lý chất lượng - môi trường thực hiện đúng tiêu chuẩn phiên bản năm 2015.

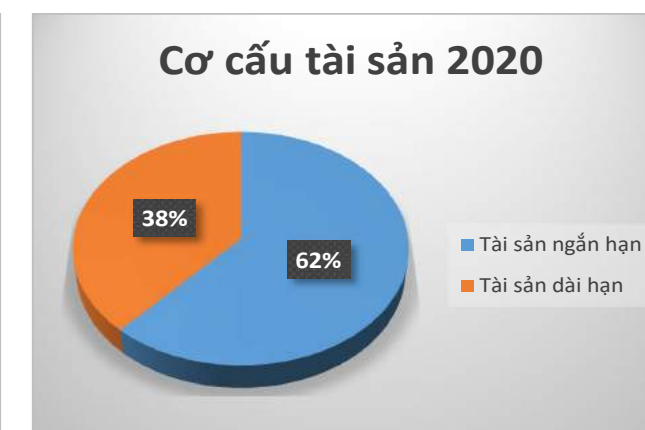
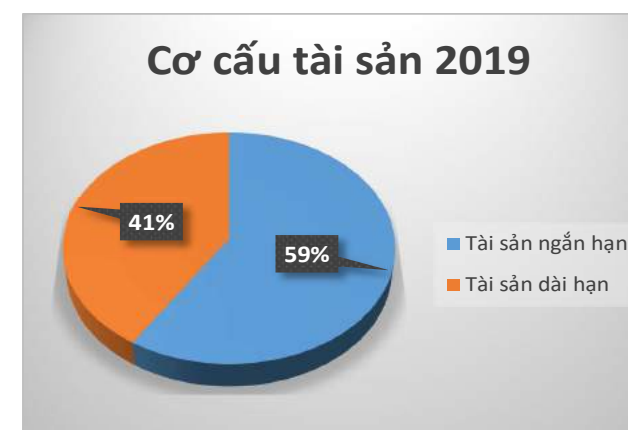
Các hoạt động văn hóa thể thao được duy trì và phát triển như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, ... được người lao động tham gia tích cực, tạo sự gắn kết mọi người, nâng cao thể chất và gắn bó với công ty.



2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Chỉ số	Đơn vị tính	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	tỷ đồng	449,69	537,62	19,55%
Tài sản dài hạn	tỷ đồng	311,37	332,48	6,78%
Tổng cộng	tỷ đồng	761,06	870,10	14,33%



Cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản ngắn hạn, chiếm hơn 62% tổng tài sản của năm 2020, còn lại là tài sản dài hạn. Tại thời điểm 31/12/2020, tài sản ngắn hạn của công ty là 537,62 tỷ đồng, tăng 19,55% so với năm 2019, trong đó tăng chủ yếu ở hàng tồn kho, các khoản phải thu, và các khoản đầu tư tài chính do công ty mở rộng quy mô hoạt động. Về cơ cấu thì hai khoản phải thu và hàng tồn kho vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tài sản ngắn hạn của công ty, lần lượt ở mức 29,61% và 49,59%.

Tài sản dài hạn của công ty tăng nhẹ 6,78% lên mức 332,48 tỷ đồng, chiếm 38% tổng cơ cấu tài sản của công ty. Nguyên giá tài sản cố định giảm do trong năm công ty không có kế hoạch đầu tư quá nhiều tài sản. Các khoản tăng tài sản cố định bao gồm: chi phí xây dựng cơ bản dở

đang tăng 4,6 tỷ, đây chủ yếu là chi phí dở dang của dự án xây dựng nhà nấu nhựa Alkyd; các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tăng 28,4 tỷ là khoản ủy thác cho Công ty cổ phần tập đoàn VLC đầu tư và cuối cùng là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là một số trái phiếu của ngân hàng TMCP Công thương Việt nam và ngân hàng TMCP Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%tăng/giảm
ROA	11,45%	12,10%	6%

Quy mô tài sản tăng đi kèm với hiệu suất sinh lời của tài sản cao hơn, chứng tỏ hoạt động kinh doanh của Công ty đang trên đà phát triển ổn định



b. Tình hình nợ phải trả

Chỉ số	Đơn vị tính	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	tỷ đồng	386,62	428,53	10,84%
Nợ dài hạn	tỷ đồng	11,4	21,07	84,82%
Tổng cộng	tỷ đồng	398,02	449,60	12,96%

Các khoản nợ của Công ty đều ghi nhận mức tăng tương đối cao so với năm 2019. Các khoản mục tăng chủ yếu là nợ vay ngắn hạn và nợ vay dài hạn. Cụ thể, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 43,42 tỷ và vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng 9,67 tỷ. Các khoản vay phục vụ cho mục đích mở rộng quy mô sản xuất của Công ty. Hệ số nợ trên tổng tài

sản là 49,25%, thấp hơn mức 52,30% của năm 2019, chứng tỏ Công ty đã tận dụng thành công đòn bẩy để gia tăng lợi nhuận.

Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không đáng kể.

3. Những cải tiến, đổi mới

a. Về cơ cấu tổ chức, quản lý :

Công ty chú trọng hướng tới xây dựng bộ máy tinh gọn, chính quy; tập trung tăng năng suất lao động thay vì tăng số lượng nhân sự tham gia sản xuất kinh doanh. Sử dụng lao động tiết kiệm, nâng cao năng suất lao động nên lao động sử dụng bình quân năm 2020 bằng với năm 2019 nhưng doanh thu tăng 6,5%, lợi

nhuận tăng 25% , sản lượng tiêu thụ tăng 4,4%, thu nhập của người lao động tăng 13,8 % so với năm trước. Chú trọng vào chuyên môn hóa, hiện đại hóa, không ngừng đổi mới sáng tạo, tiên phong áp dụng những công nghệ mới trong sản xuất là chính sách xuyên suốt của Công ty.

b. Về chính sách

Về việc tuân thủ quy định pháp luật: Công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, thực hiện pháp luật của Công ty nghiêm túc. Hệ thống quản lý chất lượng - môi trường thực hiện đúng tiêu chuẩn phiên bản năm 2015.

Về chính sách đối với người lao động: Tăng cường công tác đào tạo quy trình công nghệ đối với sản phẩm, thiết bị mới, chứng chỉ giám sát quốc tế, thi nâng bậc thợ, hệ thống quản lý chất lượng môi trường, an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy. Công tác đào tạo góp phần nâng cao trình độ thành thạo,

chất lượng sản phẩm của công ty. Các hoạt động văn hóa thể thao được duy trì và phát triển.

Về chính sách kinh doanh: đề ra những cơ chế chính sách hợp lý nhất cho từng khách hàng để dành thị phần sơn tàu biển; thực hiện nhiều chính sách bán hàng linh hoạt đối với các vùng miền thông qua hệ thống đại lý sơn dân dụng; đưa ra các loại sơn công nghiệp 1 thành phần và 2 thành phần cao cấp; nghiên cứu và đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới làm tăng doanh thu Nhựa.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

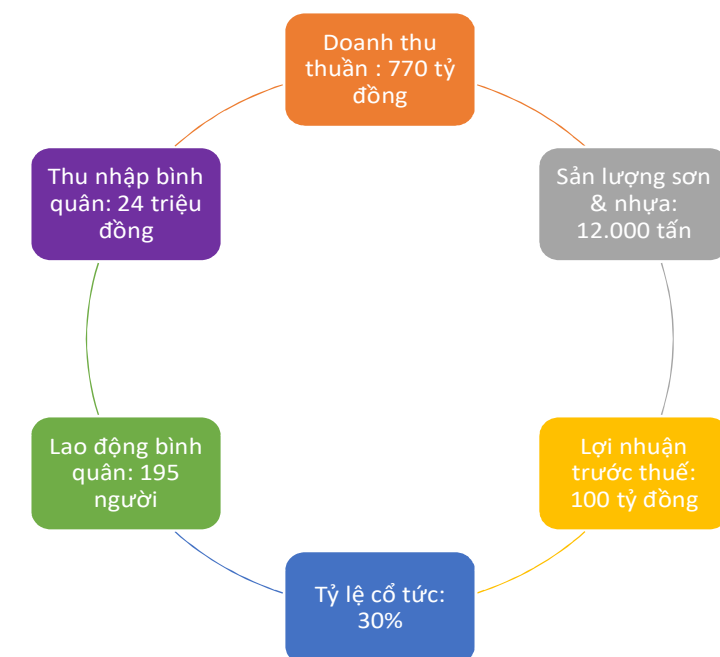


Mục tiêu

- Giữ vững thương hiệu Sơn Hải Phòng nổi tiếng trong nước và vươn tầm thế giới.
- Công ty tiếp tục là Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ với tỷ lệ sản phẩm khoa học công nghệ đạt trên 70% tổng doanh thu của Công ty.
- Đảm bảo tỷ lệ cổ tức cho cổ đông và thu nhập cho người lao động.



Dự kiến các chỉ tiêu SXKD năm 2021





Giải pháp và biện pháp thực hiện

✓ Đối với sản xuất kinh doanh sơn, nhựa:

Đối với sơn dân dụng :

Xây dựng thị trường sơn dân dụng làm chủ đạo. Cùng cố vững chắc các đại lý đang có và cùng họ đưa ra các mục tiêu phấn đấu tăng doanh số năm 2021.

Xây dựng các đại lý tại các tỉnh thành trên cả nước: mở thêm từ 20 – 25 đại lý mới.

Về sơn tàu biển và công nghiệp:

Tiếp tục chăm sóc khách hàng , củng cố thị trường sơn tàu biển trước sự cạnh tranh của các hãng sơn.

Tiếp cận các đơn vị sản xuất thép tiền chế, các dự án cầu đường, thủy điện, toa xe,... nâng cao doanh thu sơn công nghiệp.

✓ Trung tâm kỹ thuật:

Tăng cường công tác nghiên cứu sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

✓ Nhân sự , đào tạo:

Đào tạo công nhân về quy trình sản xuất, sử dụng thiết bị, nâng cao tay nghề; đặc biệt chú trọng đào tạo về sản phẩm mới.

Tuyển dụng nhân sự có kinh nghiệm, năng lực từ 5 – 08 lao động cho phát triển thị trường, bán hàng và Trung tâm kỹ thuật, phân xưởng sơn.

Về sản xuất kinh doanh nhựa, hóa chất:

Phát triển thêm khách hàng mới, nâng doanh thu tăng 20 – 30% so với năm trước.

Đa dạng hóa sản phẩm nhựa, cung cấp các sản phẩm mới ra thị trường.

Mở rộng thị trường xuất khẩu nhựa Alkyd.

Đối với sản xuất:

Thực hiện tốt sản xuất sơn, nhựa các loại với chất lượng tốt, tiết kiệm chi phí.

Tăng cường đào tạo nâng cao trình độ thành thạo của người lao động..

Đầu tư thêm thiết bị nghiền, khuấy, thiết bị đóng son, bể chứa nâng cao năng lực sản xuất sơn, nhựa.

Tăng cường đầu tư thiết bị , nhân lực cho Trung tâm nâng cao năng lực nghiên cứu, cải tiến sản phẩm và mở rộng sản xuất cho các năm tiếp theo.

Nâng cao thu nhập, thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, xây dựng văn hóa công ty tạo niềm tin và gắn bó của người lao động.



V.ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá chung

Trong năm 2020, mặc dù tình hình thị trường có rất nhiều khó khăn thách thức; đặc biệt sự ảnh hưởng của Đại dịch COVID – 19 làm suy thoái kinh tế thế giới và trong nước. Nhưng Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng đã đạt được kết quả kinh doanh cao nhất từ trước đến nay; mở rộng thị phần, doanh thu đạt kế hoạch; lợi nhuận tăng cao, đảm bảo cổ tức cho cổ đông và nâng cao thu nhập của người lao động.

Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám Đốc, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và tính năng

động, sáng tạo của tất cả Cán bộ nhân viên Công ty, đặc biệt là sự ủng hộ của Quý cổ đông và sự tin tưởng gần bó của Quý khách hàng, Sơn Hải Phòng đã hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, xây dựng và duy trì vận hành liên tục hệ thống hệ thống xử lý chất thải thân thiện với môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm bảo vệ môi trường xanh sạch đẹp.

Đối với cộng đồng, Công ty đã thể hiện trách nhiệm và ý thức xã hội thông qua các hoạt động vì cộng đồng như: Trợ dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng; Trợ dưỡng người tàn tật cô đơn; Ủng hộ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi bão lụt; Ủng hộ bệnh viện Việt Tiệp và Cụm dân cư đường 208 chống

dịch bệnh; Tặng quà con người lao động đạt học sinh giỏi, tiên tiến và nhiều hoạt động từ thiện khác.

Công ty luôn thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, ý tế, tai nạn, chế



độ phúc lợi, chế độ thai sản, tặng quà sinh nhật, tặng quà ngày Lễ, Tết, quốc khánh, tặng quà sinh nhật và bảo hiểm kết hợp về con người.... cho người lao động theo đúng Luật Lao Động và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Sự quan tâm và hỗ trợ người lao động luôn được cân nhắc tại Công ty. Công ty không ngừng quan tâm, nâng cao đời sống sinh hoạt lành mạnh và sức khỏe cho cán bộ công nhân viên.



Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra

Công ty đã thực hiện tốt:

- Giữ vững thương hiệu Sơn Hải phòng nổi tiếng trong nước và vươn tầm thế giới.
- Công ty tiếp tục là Doanh nghiệp khoa học công nghệ với tỷ lệ sản phẩm khoa học công nghệ đạt trên 70% . tổng doanh thu của Công ty.
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông và thu nhập cho người lao động.



Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020



- Triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua.
- Thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2019 theo đúng thời hạn.
- Thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức năm 2020 theo kế hoạch.





Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

✓ Hoạt động quản trị thường kỳ:

- Hội đồng Quản trị họp thường kỳ hàng quý nghe báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động của công ty, phân tích đánh giá những mặt được và chưa được, đề ra phương án hành động cho quý tiếp theo nhằm ứng phó với những biến động của nền kinh tế.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Ban điều hành đã cam kết.
- Căn cứ báo cáo của Tổng giám đốc về thực hiện kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị để phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh cho quý tiếp theo;
- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao

✓ Hoạt động xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh:

- Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh các quý năm 2020.
- Thúc đẩy việc triển khai các chương trình xây dựng năng lực cạnh tranh dài hạn.
- Tổ chức đánh giá các đề án khả thi, dự án đầu tư của công ty.

✓ Đánh giá chung:

Năm 2020, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do Đại dịch COVID- 19 trên toàn thế giới và trong nước, kinh tế trong nước và thế giới suy thoái nghiêm trọng. Nhưng Tổng giám đốc và Ban điều hành công ty đã rất nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty, kết quả so với kế hoạch : Doanh thu đạt 100% , lợi nhuận tăng 30%, thu nhập bình quân người lao động tăng 13,8 %, chi trả cổ tức 30%/năm đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Hội đồng quản trị đánh giá cao những kết quả hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông và định hướng chiến lược của Công ty.
- Trong quá trình hoạt động, Ban điều hành đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Phương hướng hoạt động của hội đồng quản trị năm 2021

- ✚ Xây dựng Thương hiệu Sơn Hải Phòng nổi tiếng trong nước và vươn tầm quốc tế, xây Công ty vững mạnh, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.
- ✚ Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ✚ Thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020.
- ✚ Đảm bảo giám sát hoạt động của Ban điều hành nhằm mục tiêu hoàn thành đạt và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.



PHẦN VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao, và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BĐH





1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính đến 31/12/2020
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	615.142	7,68%
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc	330.537	4,13%
3	Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	236.483	2,95%
4	Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	41.909	0,52%
5	Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	126.219	1,58%

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	05	100%
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc	05	100%
3	Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	05	100%
4	Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc	05	100%
5	Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	05	100%

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược kinh doanh ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị duy trì họp định kỳ mỗi quý ít nhất một lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự tham gia của Ban Tổng Giám Đốc.

Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các thành viên Hội đồng Quản trị cũng đã duy trì tốt mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích của Công ty và Người lao động.

Các nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2020:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT	17/02/2020	Nghị quyết về Quyết định tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng .
2	Số 02/2020/NQ-HĐQT	31/03/2020	Nghị quyết HĐQT thông qua nội dung Gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đến trước 30/06/2020 do diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID - 19
3	Số 03/2020/NQ - HĐQT	27/05/2020	Thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 19/06/2020.
4	Số 04/2020/NQ-HĐQT	07/07/2020	Thông qua thời gian chi trả cổ tức còn lại năm 2019 bằng tiền
5	Số 05/2020/NQ - HĐQT	19/10/2020	Thông qua phương án chi trả tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính đến 31/12/2020
1	Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng ban kiểm soát	10.838	0,14%
2	Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên Ban KS	19.543	0,24%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên Ban KS	40.444	0,51%

b. Hoạt động của ban kiểm soát

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia các buổi làm việc của Hội đồng quản trị về kế hoạch hoạt động của Công ty.
- Xem xét các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Ban điều hành và Phòng Tài chính kế toán chuẩn bị.



Số lượng các cuộc họp nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Trong năm qua các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Ban kiểm soát đã có những đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

- Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển, điều hành của Ban điều hành.
- Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không gây thiệt hại cho các cổ đông.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp kiểm soát	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng ban kiểm soát	04	100%
2	Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên Ban KS	04	100%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên Ban KS	04	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

❖ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Thù lao năm 2020 (VND)
Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	457.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	533.150.000
Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT	228.495.000
Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT	228.495.000
Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	228.495.000

❖ Thù lao thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Thù lao năm 2020 (VND)
Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	152.330.000
Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	76.165.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	76.165.000

❖ Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương năm (VND)
Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	5.000.000
Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	8.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng giám đốc	1.978.498.740
Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng giám đốc	1.070.968.771
Bà Bùi Kim Ngọc	Kế toán trưởng	1.081.541.199
Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	8.000.000
Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	654.219.385
Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	244.363.756

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Dũng	Nội bộ	310.537	3,88	330.537	4,13	Tăng sở hữu



c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có.

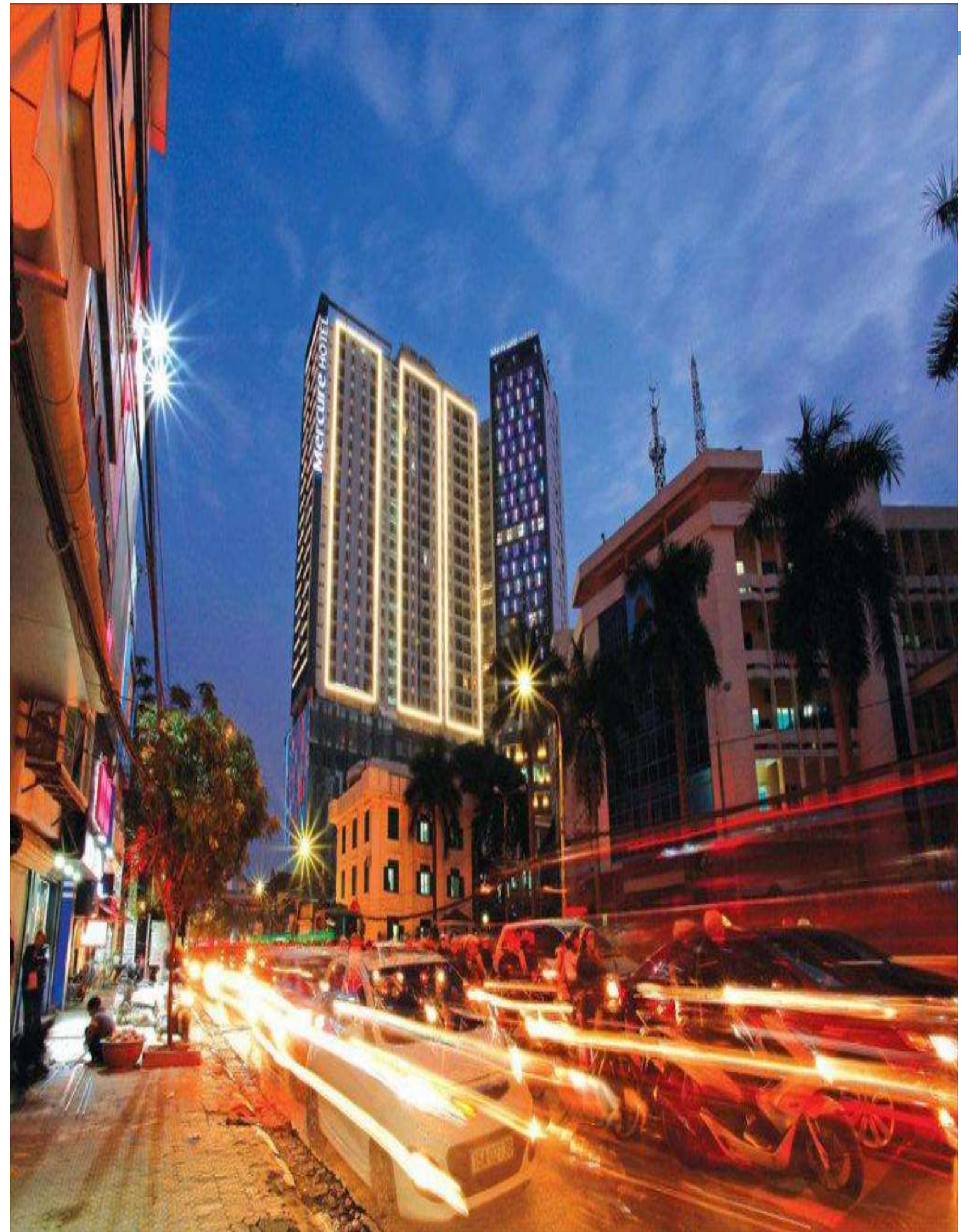
d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược kinh doanh ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị duy trì họp định kỳ mỗi quý ít nhất một lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết

định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự tham gia của Ban Tổng Giám Đốc.

Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các thành viên Hội đồng Quản trị cũng đã duy trì tốt mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích của Công ty và Người lao động.



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2020

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Bảng lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Hải Phòng - Tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681 (Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/4/2018 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 02000575580 ngày 26/4/2018 là: 80.071.770.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tỷ không trăm bảy mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HAIPHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: HAIPHONGPAINT.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã HPP.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch
	Ông Vũ Trung Dũng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
BAN KIỂM SOÁT	Bà Bùi Kim Ngọc	Ủy viên
	Ông Nguyễn Mộng Lân	Ủy viên
	Bà Lê Quỳnh Chi	Trưởng Ban
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên
	Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIỆT NAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu có các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Số: 151/2021/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Giám đốc Kiểm toán
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Vũ Xuân Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1

Giấy Ủy quyền số: 18/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 01/9/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		537.623.789.782	449.690.501.744
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.202.462.637	40.039.496.388
1. Tiền	111		11.602.462.637	40.039.496.388
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.600.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		97.150.000.000	76.350.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	97.150.000.000	76.350.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		266.611.985.947	181.028.762.258
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	238.124.969.997	164.095.470.967
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.730.177.752	10.592.150.293
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	21.734.947.151	8.853.866.644
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(2.978.108.953)	(2.512.725.646)
IV. Hàng tồn kho	140		159.192.151.498	145.200.891.537
1. Hàng tồn kho	141	5.6	161.638.143.274	145.821.282.470
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.445.991.776)	(620.390.933)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.467.189.700	7.071.351.561
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	669.451.426	6.849.606.673
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		785.674.069	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	12.064.205	221.744.888
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		332.477.265.406	311.368.723.562
II. Tài sản cố định	220		116.195.732.920	126.480.000.722
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	112.696.860.965	124.953.370.937
- Nguyên giá	222		255.905.134.307	251.426.769.638
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.208.273.342)	(126.473.398.701)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.498.871.955	1.526.629.785
- Nguyên giá	228		7.822.790.066	4.735.668.619
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.323.918.111)	(3.209.038.834)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.867.412.255	256.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	4.867.412.255	256.000.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	210.760.720.231	183.878.470.410
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		161.234.996.644	164.417.586.823
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		51.060.883.587	22.660.883.587
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.735.160.000)	(3.400.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	6.200.000.000	200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		653.400.000	754.252.430
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	653.400.000	754.252.430
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		870.101.055.188	761.059.225.306

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		449.602.762.273	398.029.583.706
I. Nợ ngắn hạn	310		428.529.785.859	386.622.813.954
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	67.556.336.141	77.211.131.442
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.951.190.814	682.610.890
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	4.392.080.600	2.319.826.261
4. Phải trả người lao động	314		6.095.325.595	4.826.762.389
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	4.429.389.561	3.294.603.266
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	15.386.526.507	15.130.630.490
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	336.516.374.751	293.097.458.736
12. Vay khen thưởng phúc lợi	322		(9.797.438.110)	(9.940.209.520)
II. Nợ dài hạn	330		21.072.976.414	11.406.769.752
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	21.072.976.414	11.406.769.752
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		420.498.292.915	363.029.641.600
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	420.498.292.915	357.574.111.600
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.071.770.000	80.071.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.071.770.000	80.071.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.787.152.766	10.787.152.766
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.250.586.886	7.250.586.886
4. Cổ phiếu quỹ	415		(467.410.000)	(467.410.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		194.949.137.368	148.023.354.694
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.014.611.180	95.128.492.944
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.759.269.228	12.903.133.192
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		98.255.341.952	82.225.359.752
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		18.892.444.715	16.779.964.310
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	5.455.530.000
1. Nguồn kinh phí	432		-	5.455.530.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		870.101.055.188	761.059.225.306

Người lập

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021
Tổng Giám đốc

Đoàn Thị Dung

Bùi Kim Ngọc

Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	854.834.611.091	796.054.469.880
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	622.270.897	210.053.006
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.18	854.212.340.194	795.844.416.874
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	628.401.140.313	604.804.092.463
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		225.811.199.881	191.040.324.411
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	13.794.978.202	5.902.670.977
7. Chi phí tài chính	22	5.21	29.116.651.596	21.101.500.645
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.427.072.149	19.783.483.029
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		(1.257.120.705)	(2.944.515.944)
9. Chi phí bán hàng	25	5.22	71.229.224.378	57.576.972.328
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	27.588.506.721	28.411.813.192
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+(24-25+26)}	30		110.414.674.683	86.908.193.279
12. Thu nhập khác	31	5.23	1.286.057.465	1.014.275.668
13. Chi phí khác	32	5.23	1.101.584.338	249.099.216
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	5.23	184.473.127	765.176.452
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		110.599.147.810	87.673.369.731
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	5.303.266.736	531.888.754
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		105.295.881.074	87.141.480.977
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		100.187.611.426	82.225.359.752
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.108.269.648	4.916.121.225
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	12.585,69	8.796,83

Người lập

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Thị Dung

Bùi Kim Ngọc

Nguyễn Văn Dũng

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	110.599.147.810	87.673.369.731
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	18.249.283.568	17.136.130.864
- Các khoản dự phòng	03	7.385.277.656	(271.939.085)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(4.659.702)	(149.125.870)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.292.220.958)	983.173.034
- Chi phí lãi vay	06	22.427.072.149	19.783.483.029
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	146.363.900.523	125.155.091.703
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(76.757.092.520)	(15.092.384.192)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(13.816.860.804)	(8.135.920.403)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(4.599.124.944)	(3.708.152.757)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6.281.007.677	(2.748.693.530)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(22.555.872.149)	(20.118.483.029)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.520.554.211)	(519.953.699)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.325.944.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(20.546.189.605)	(10.128.979.680)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.849.213.967	67.028.468.413
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.946.471.685)	(23.052.799.885)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	473.210.000	66.681.885
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(53.390.000.000)	(87.550.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	26.590.000.000	11.050.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.400.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	550.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.078.620.138	3.060.488.038
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(62.044.641.547)	(96.425.629.962)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	842.550.546.224	719.042.495.182
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(789.465.423.547)	(633.766.466.941)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.731.388.550)	(24.055.508.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.353.734.127	61.220.519.341
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(26.841.693.453)	31.823.357.792
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.039.496.388	8.083.603.176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.659.702	132.535.420
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	13.202.462.637	40.039.496.388

Người lập

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Thị Dung

Bùi Kim Ngọc

8

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UBND ngày 26/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng và chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681 (Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/04/2018 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 02000575580 ngày 26/4/2018 là: 80.071.770.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tỷ không trăm bảy mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã HPP

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HAIPHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: HAIPHONGPAINT

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Số lao động bình quân trong năm 2020 là 274 người (Năm 2019 là 252 người).

1.2. Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng nông nghiệp);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Sản xuất Sơn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container, xe bồn, xe téc;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê (bao gồm cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh, Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quầy bar);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Chi tiết: Khách sạn;
- Đại lý du lịch;

1.2. Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ Xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ tư vấn chuyên gia công nghệ sản xuất sơn, véc ni, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ phát triển, bảo vệ thương hiệu doanh nghiệp, nhãn hiệu sản phẩm;
- Nghiên cứu phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn thực phẩm;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất sơn các loại.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng 2	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	51%	51%
Công ty TNHH Nhựa Phoenix	Bán buôn các loại nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, bán buôn hóa chất, bán buôn sơn công nghiệp.....	100%	100%
Công ty liên doanh, liên kết			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	31,21%	31,21%
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	32,94%	32,94%
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	41,52%	41,52%
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	50%	50%

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2 được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203003498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/9/2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 04 tháng 07 năm 2014. Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng sở hữu 51% vốn điều lệ.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Haiphong Paint Joint Stock Company No.2.

Vốn điều lệ : 20.850.950.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghệ Trảng Dục, xã Hồng Phong, huyện An Dương, Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sơn, véc ni và các hóa chất sơn, quét tương tự, ma tít; mực in...

Công ty TNHH Nhựa Phoenix được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0201880643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/6/2018.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Phoenix Resin Limited Company.

Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn các loại nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, bán buôn hóa chất, bán buôn sơn công nghiệp.....

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, Công ty con của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng là Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2 và Công ty TNHH Nhựa Phoenix.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh Ngô Quyền - Hải Phòng tính tại ngày 31/12/2020.

(ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh Ngô Quyền - Hải Phòng tại ngày 31/12/2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2019	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngô Quyền	23.150 VND/USD	23.225 VND/USD
31/12/2020	Ngân hàng TMCP Công thương - CN Ngô Quyền	22.995 VND/USD	23.195 VND/USD

Tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bán phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán Các khoản phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm Chi phí cấp chứng nhận ISO, phần mềm quản trị, Hệ thống quản lý môi trường, tài sản vô hình khác.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp của tài sản.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ thời gian phân bổ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: Trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí tỷ lệ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ:** Công ty được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 06/DNKHCN ngày 18/9/2015. Do vậy, Công ty hưởng chính sách ưu đãi thuế TNDN như sau: Hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời gian mười lăm năm (15) năm và được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo với nguyên tắc quy định Luật thuế TNDN và Công văn số 2173/CT-TT&HT ngày 21/9/2016 của Cục thuế Hải Phòng về việc giải đáp chính sách thuế. Năm 2020 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% số thuế TNDN.

Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty con - Công ty Cổ phần Sơn Hải phòng 2:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000017 do Ban Quản lý Các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp ngày 19/6/2008, Công ty được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho dự án Nhà máy Sơn tinh điện và Sơn nước như sau: Miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2009 đến hết năm 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 (bảy) năm tiếp theo (từ năm 2012 đến hết năm 2020). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trong vòng 12 năm kể từ khi có dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2020 là năm thứ 10 (mười) Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Công văn số 1375/TCT-CS ngày 14/4/2015 của Tổng cục thuế hướng dẫn về ưu đãi thuế TNDN đối với các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp Trảng Dục. Công ty hưởng ưu đãi thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10%, miễn 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo cho thời gian còn lại từ kỳ tính thuế năm 2015. Cụ thể: Thuế suất ưu đãi 15% từ năm 2008 đến 2014 và 10% từ năm 2015 đến năm 2022; thời gian miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2011 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo từ năm 2012 đến năm 2020. Năm 2020 là năm cuối được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)

Năm 2020, Công ty con được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

- Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các doanh nghiệp, cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh Sơn các loại và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam theo đó không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	3.246.064.068	6.162.304.920
Tiền gửi ngân hàng	8.356.398.569	33.877.191.468
Các khoản tương đương tiền	1.600.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	1.600.000.000	-
Tổng	13.202.462.637	40.039.496.388

20

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020	01/01/2020
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	97.150.000.000	97.150.000.000
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	97.150.000.000	97.150.000.000
Dài hạn	6.200.000.000	6.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	200.000.000	200.000.000
- Trái phiếu (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng	103.350.000.000	103.350.000.000

(*): (1): Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2020 đáo hạn năm 2030 (Mã số: CTG2030T2/01-542); Số lượng: 50.000 trái phiếu tại ngày 30/07/2020, mệnh giá trái phiếu: 100.000VND/Trái Phiếu; Kỳ hạn trái phiếu: 10 năm, lãi suất: áp dụng cho toàn bộ hạn 10 (mười) năm là lãi suất thả nổi và bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1.0%/năm; hình thức trái Phiếu: Trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ. Trái phiếu này đang được cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Ngày phát hành: Ngày 30/07/2020 - ngày đáo hạn: Ngày 30/07/2030. Phương thức trả gốc, lãi:

+ Tiền lãi trái phiếu 2030 được trả định kỳ 01 (một) năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu 2030

+ Nếu Trái Phiếu 2030 được Tổ chức Phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 thì ngày thanh toán lãi năm thứ 05 (năm) sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của Trái phiếu 2030 và tiền lãi năm thứ 05 (năm) sẽ được thanh toán cùng tiền gốc Trái Phiếu 2030 vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu năm 2030;

+ Nếu Ngày Thanh Toán Lãi Trái và/hoặc Ngày thực hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2030 và/hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu 2030 và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là Ngày làm việc thì ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.

(2): Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đợt phát hành ngày 24/12/2020 (Mã trái phiếu: AGRIBANK202703); Số lượng 1.000 trái phiếu phổ thông tại ngày 24/12/2020, mệnh giá Trái Phiếu: 1.000.000 VNĐ/Trái phiếu; tổng mệnh giá Trái Phiếu: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng), kỳ hạn 7 năm; lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 07 năm là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức sau: (Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + Biên độ, trong đó: Mức cộng biên độ hàng năm cho 05 năm đầu tiên là 1.3%/năm, mức cộng biên độ năm thứ 05 và năm thứ 07 mỗi năm là 1.5%/năm; hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức Ghi sổ. Trái phiếu này đang được cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Ngày phát hành: 24/12/2020, ngày đáo hạn: 24/12/2027. Phương thức thanh toán gốc, lãi:

+ Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) lần vào "Ngày Thanh Toán Lãi" là mỗi ngày tròn 01 (một) năm kể từ Ngày Phát hành, riêng tiền lãi cho Kỳ tính Lãi cuối cùng của Trái Phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày đáo hạn;

+ Trừ khi được mua lại trước hạn hoặc được mua theo các quy định của Các điều khoản và Điều kiện của Trái phiếu, các Trái phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của Trái phiếu vào Ngày Đáo hạn.

20

5.3 Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	238.124.969.997	164.095.470.967
Công ty Cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	-	979.086.169
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	9.594.645.001	7.819.499.798
Công ty Cổ phần Sản xuất bảo hộ lao động và thương mại Sơn Lĩnh	14.111.362.925	11.911.101.447
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	-	2.896.587.883
Công ty Cổ phần Sơn và hóa chất Hòa Phương	3.459.152.657	13.483.448.982
Công ty Cổ phần Sơn Quảng Huy	31.042.496.000	16.779.711.300
Phải thu các đối tượng khác	179.917.313.414	110.226.035.388
Trong đó phải thu các bên liên quan (Chỉ tiết xem tại thuyết minh 6.1)	-	-
Tổng	238.124.969.997	164.095.470.967

5.3.4 Phải thu khác

	31/12/2020	01/01/2020
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	21.734.947.151	-
- Công ty cho thuê tài chính	-	-
- TNHH MTV quốc tế Gairlease	5.344.254.503	-
- Chi nhánh Hà Nội	-	-
Phải thu lãi đầu tư vốn và cổ tức	13.103.000.786	-
- Tam ứng	2.440.378.843	-
- Ký cược, ký quỹ	422.618.281	-
Phải thu khác	424.694.738	-
Trong đó phải thu các bên liên quan (Chỉ tiết xem tại Thuyết minh 6.1)	-	-
Tổng	21.734.947.151	-

21

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020	01/01/2020
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	3.697.256.569	719.147.634
Trong đó:		
- Công ty TNHH Dương Giang	-	448.623.581
- Công ty Cổ phần Minh Xuân	-	-
- Công ty TNHH Nhà nước một thành viên công nghiệp tàu thủy Bến Kiền	-	-
- Công ty Cổ phần Lilama 5	-	-
- Công ty Cổ phần Thiếc kế và Xây dựng Sao Thủy	-	858.206.864
- Công ty TNHH Thương mại và xăng dầu Hoàng Linh	-	219.108.246
- Các đối tượng khác	-	-
Tổng	1.306.830.445	2.171.317.878

5.5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020	01/01/2020
	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	98.866.471.007	(1.182.756.928)
Công cụ, dụng cụ	1.786.790.313	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	693.114.290	-
Thành phẩm	60.291.767.664	(1.263.234.848)
Hàng gửi bán	-	-
Tổng	161.638.143.274	(2.445.991.776)

22

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG		
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020		
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)		
Mẫu B 09-DN/HN		
5.7 Chi phí trả trước		
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngân hàng	669.451.426	6.849.606.673
Chi phí/Bảo hiểm	-	32.798.788
Chi phí sửa chữa	78.655.857	131.113.295
Công cụ dụng cụ phân bổ	495.052.534	384.564.886
Đề tài 119	-	4.068.607.666
Đề tài sơn trên bề mặt thép mạ kẽm	-	820.972.065
Các khoản khác	95.743.035	14.111.549.973
Dãi hạn	653.400.000	754.252.430
Công cụ dụng cụ phân bổ	-	14.011.000
CP trả trước mua công thức Sơn	653.400.000	-
Chi phí đề tài SX thử nghiệm nhựa Alkyd	-	740.241.430
Tổng	1.322.851.426	7.603.859.103

23

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG					
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020					
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)					
Mẫu B 09-DN/HN					
5.9 Tài sản cố định vô hình					
					Đơn vị tính: VND

	Bán quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Hệ thống quản lý môi trường	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	2.680.450.381	1.524.834.500	272.015.238	258.368.500	4.735.668.619
Tăng trong năm	2.358.360.478	520.000.000	-	208.760.969	3.087.121.447
Mua trong năm	2.358.360.478	520.000.000	-	208.760.969	3.087.121.447
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	5.038.810.859	2.044.834.500	272.015.238	467.129.469	7.822.790.066
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2020	1.462.082.506	1.219.017.050	269.570.778	258.368.500	3.209.038.834
Tăng trong năm	858.158.298	232.530.584	2.444.460	21.745.935	1.114.879.277
Khấu hao trong năm	858.158.298	232.530.584	2.444.460	21.745.935	1.114.879.277
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	2.320.240.804	1.451.547.634	272.015.238	280.114.435	4.323.918.111
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2020	1.218.367.875	305.817.450	2.444.460	-	1.526.629.785
Tại 31/12/2020	2.718.570.055	593.286.866	-	187.015.034	3.498.871.955

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Nhà nghỉ công nhân	-	100.000.000
- Phần mềm quản trị	-	156.000.000
- Dây chuyền máy móc, thiết bị	46.465.000	46.465.000
- Cải tạo sửa chữa nhà xưởng sản xuất	490.633.285	490.633.285
- Lắp đặt nhà nấu nhựa Alkyd	4.250.292.152	4.250.292.152
- Sửa chữa công trình nhà văn phòng	80.021.818	80.021.818
Tổng	4.867.412.255	4.867.412.255

25

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Mẫu B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ	31/12/2020	01/01/2020
	Vốn đầu tư	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	31,21%	16.234.996.644	16.417.586.823
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	32,94%	18.571.555.417	19.459.887.411
Công ty Cổ phần Bê tông Sơn và Hoa chất A Châu (*)	41,52%	27.881.040.799	27.530.904.686
Công ty TNHH Sơn Samiwa Hải Phòng	50%	105.468.479.145	109.557.582.655
Đầu tư vào đơn vị khác			
Công ty Cổ phần Giải pháp Sơn chuyên nghiệp PAINTPRO	18,34%	9.313.921.283	7.569.212.071
Công ty TNHH VICO (**)	12%	51.060.883.587	22.660.883.587
Công ty Cổ phần SIVICO (***)	7%	4.484.759.811	4.484.759.811
Công ty Cổ phần Bao Bi VLC	12%	12.132.544.000	12.132.544.000
Công ty CP Tiến mà nhà Việt Pháp	7%	1.243.579.776	1.243.579.776
Ủy thác cho Công ty cổ phần Tập đoàn VLC	5%	1.400.000.000	1.400.000.000
Đầu tư			
Tổng		212.995.889.231	187.075.470.410

(*) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông Sơn và Hoa chất A Châu và được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 791.830 cổ phiếu. Do vậy, số cổ phiếu Công ty nắm giữ là 10.657.530 cổ phiếu.

(**) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vico, trong năm 2018 Công ty chia lợi nhuận năm 2017 bằng cổ phiếu với số lượng là 6.066.272.000 đồng và Công ty Sơn Hải Phòng góp vốn bổ sung vốn là 6.066.272.000 đồng. Năm 2020, Công ty TNHH Vico tăng vốn 15% bằng lợi nhuận năm 2019 tương đương với số tiền là 2.729.822.000 đồng.

(***) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần SIVICO và được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 78.142 cổ phiếu. Do vậy, số cổ phiếu Công ty nắm giữ là 202.500 cổ phiếu.

26

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Mẫu B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	68.192.617.829	111.800.000.790	62.465.549.361	8.908.392.668	251.426.769.638
Tăng trong năm	1.837.242.934	3.098.395.049	91.261.818	267.000.000	5.293.899.801
Mua trong năm	583.116.677	3.038.695.049	83.000.000	267.000.000	3.993.811.726
Đầu tư XD CB hoàn thành	1.254.126.257	-	-	-	1.254.126.257
Điều chuyển, phân loại lại	-	39.700.000	6.261.818	-	45.961.818
Giảm trong năm	-	769.573.314	-	45.961.818	815.535.132
Thanh lý, nhượng bán	-	769.573.314	-	-	769.573.314
Điều chuyển, phân loại lại	-	-	-	45.961.818	45.961.818
Số dư tại 31/12/2020	70.029.860.763	114.189.631.515	62.556.811.179	9.129.430.850	255.905.734.307
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2020	29.503.734.920	63.947.975.758	27.021.801.237	5.999.806.786	126.473.398.701
Tăng trong năm	3.313.578.459	7.451.087.161	5.717.808.160	843.462.337	17.325.936.117
Khấu hao trong năm	3.313.544.300	7.410.345.518	5.567.052.136	843.462.337	17.134.404.291
Điều chuyển, phân loại lại	34.159	40.741.643	150.756.024	-	191.531.826
Giảm trong năm	-	399.529.650	-	191.531.826	591.061.476
Thanh lý, nhượng bán	-	399.529.650	-	-	399.529.650
Điều chuyển, phân loại lại	-	-	-	191.531.826	191.531.826
Số dư tại 31/12/2020	32.817.313.379	70.999.533.269	32.793.609.397	6.651.817.297	143.208.273.342
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2020	38.688.882.909	47.912.334.022	35.443.748.124	2.908.586.882	124.953.370.937
Tại 31/12/2020	37.212.547.384	43.189.498.246	29.817.201.782	2.477.613.553	112.698.860.965

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chi trả, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 55.151.304.803 đồng (tính tại ngày 31/12/2019 là 68.239.786.819 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 63.116.795.520 đồng (tính tại ngày 31/12/2019 là 50.230.890.741 đồng).

24

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Ghiảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	336.516.374.751	336.516.374.751	801.514.510.240	758.095.594.225	293.097.458.736	293.097.458.736
Nguồn hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (1)	128.664.461.231	128.664.461.231	276.189.784.682	273.143.927.370	126.218.603.919	126.218.603.919
Nguồn hàng TNHH CTBC - Chi nhánh HCM (2)	28.751.006.262	28.751.006.262	82.276.992.221	94.999.413.292	41.474.027.333	41.474.027.333
Nguồn hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	17.483.271.728	17.483.271.728	17.483.271.728
Nguồn hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (3)	5.528.418.770	5.528.418.770	5.533.078.472	4.659.702	-	-
Nguồn hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (3)	-	-	-	3.629.650.446	3.629.650.446	3.629.650.446
Nguồn hàng TMCP Quân đội Việt Nam	-	-	30.467.026.828	30.467.026.828	-	-
Nguồn hàng Việt Nga	-	-	82.498.022.232	39.995.026.747	39.995.026.747	39.995.026.747
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - Chi nhánh Hải Phòng	44.660.812.920	44.660.812.920	77.494.513.137	32.833.700.217	-	-
Nguồn hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (4)	-	-	3.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Sincro	14.944.111.300	14.944.111.300	19.398.150.818	17.455.304.617	13.002.265.099	13.002.265.099
Vay và nhân (5)	21.072.976.414	21.072.976.414	41.036.035.984	31.340.820.322	11.406.769.752	11.406.769.752
Vay dài hạn	4.837.973.129	4.837.973.129	4.423.471.718	1.767.363.989	2.181.865.400	2.181.865.400
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease - Chi nhánh Hà Nội (6), (7), (8)	-	-	-	1.392.000.000	1.392.000.000	1.392.000.000
Nguồn hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	3.694.947.378	3.694.947.378	3.694.947.378
Nguồn hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	-	-	-
Nguồn hàng TMCP Đầu tư & Phát triển - CN Hải Phòng	-	-	-	440.000.000	440.000.000	440.000.000
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	16.235.003.285	16.235.003.285	36.612.564.266	24.075.517.955	3.697.956.974	3.697.956.974
Tổng	357.589.351.165	357.589.351.165	842.550.546.224	789.465.423.547	304.504.228.488	304.504.228.488

29

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp tục)

<> Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2020/HBCVHM/VCB-SHP2 ký ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với hạn mức cho vay là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Hạn mức cho vay bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 01/2019/HBCVHM/VCB-CPSONHP ký ngày 31/10/2019. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày 22/12/2020 đến hết ngày 30/11/2021. Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được xác định tại từng kế ước và theo biến bán điều chỉnh (nếu có).

<> Hợp đồng tín dụng ngắn hạn tuần hoàn số STVN1304-19 ký ngày 08/7/2019 giữa Ngân hàng TMCP CTBC - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với số hạn mức tín dụng là 1.800.000 USD (Một triệu tám trăm ngàn đô la mỹ chẵn). Thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 08/07/2019, hàng năm vào đúng ngày hết hạn của khoản tín dụng thì khoản tín dụng sẽ được tự động gia hạn thêm một thời hạn là 01 năm trừ khi vào thời điểm đó khoản tín dụng đã bị ngân hàng hủy bỏ. Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được áp dụng là mức lãi suất tính theo bản do Ngân hàng xác định và được bên vay chấp thuận. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 180 ngày (bao gồm cả thời hạn trả chậm cùng cấp bởi người bán nếu khoản vay đó dùng để thanh toán cho tín dụng). Mục đích vay: tài trợ cho vốn lưu động.

<> Hợp đồng tín dụng số 2109-LAV-202000770 ký ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với hạn mức cấp tín dụng là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Hạn mức cho vay bao gồm toàn bộ nợ và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 2109-LAV-201900779 ký ngày 11 tháng 12 năm 2019. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Mục đích sử dụng vốn là bổ sung vốn lưu động thanh toán các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh sản, dầu, nhựa các loại và các mặt hàng khác theo giấy phép kinh doanh cho ký kế hoạch kinh doanh năm 2020 - 2021. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nhận nợ tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và không vượt quá thời hạn cho vay còn lại của khoản vay tại các TCCTD khác trong trường hợp cho vay trả nợ khoản cấp tín dụng tại các TCCTD khác. Lãi suất cho vay áp dụng với dự gốc trong hạn VND: 7,5%/năm; USD: 4,5%/năm. Cho vay có bảo đảm một phần bằng tài sản, tỷ lệ cho vay không có tài sản đảm bảo tối đa 40% tổng mức cấp tín dụng.

<> Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2020/HBCVHM/VCB-SHP2 ký ngày 15/10/2020 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) bao gồm cả các khoản dư nợ vay của khách hàng theo hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 01/2020/HBCVHTL-SHP2 ký ngày 08 tháng 10 năm 2020. Lãi suất: Xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay ghi trên từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng. Thời hạn vay không quá 06 tháng, thời hạn cấp hạn mức là hết ngày 08 tháng 10 năm 2021. Hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo.

<> Vay và nhân trong công ty lãi suất 7,5%/năm

<> Hợp đồng cho thuê tài chính số C/96/2812 ký ngày 27/6/2019 giữa Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với thuê tài sản với thời hạn thuê 30 tháng kể từ ngày 28/6/2019, tổng giá trị tài sản thuê là 1.376.828.579 đồng, trả trước số tiền 385.512.002 đồng, giá trị thuê là 991.316.577 đồng. Lãi suất tiền chuẩn VND của CILC + Biên độ (2,14%). Lãi suất thuê ban thời tại thời điểm ký hợp đồng 8,62%/năm.

<> Hợp đồng cho thuê tài chính số C/96/29012 ký ngày 28/8/2019 giữa Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với thuê tài sản với thời hạn thuê 30 tháng kể từ ngày 29/08/2019, tổng giá trị tài sản thuê là 784.890.480 đồng, trả trước số tiền 219.769.334 đồng, giá trị thuê là 565.121.146 đồng. Lãi suất tiền chuẩn VND của CILC + Biên độ (2,14%). Lãi suất thuê ban thời tại thời điểm ký hợp đồng là 8,67%/năm.

<> Hợp đồng thuê tài sản số C/2010/25715-PC ký ngày 28/10/2020 giữa Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với việc thuê tài sản với thời hạn thuê là 36 tháng kể từ 07/12/2020, tổng giá trị tài sản thuê là 6.143.710.719 đồng, trả trước số tiền 1.720.239.901 đồng, giá trị thuê là 4.423.471.718 đồng. Lãi suất tiền chuẩn VND của CILC + Biên độ (2,14%). Lãi suất thuê ban thời tại thời điểm ký hợp đồng là 8,75%/năm.

30

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	67.556.336.141	67.556.336.141	77.211.131.442	77.211.131.442
Công ty TNHH FSI Việt Nam	4.086.301.175	4.086.301.175	3.256.121.951	3.256.121.951
Guangzhou Kinte Industrial	8.345.245.199	8.345.245.199	7.385.434.525	7.385.434.525
KUKDO CHEMICAL CO. LTD	1.488.063.103	1.488.063.103	8.831.671.380	8.831.671.380
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hà Anh Phát	-	-	2.992.584.500	2.992.584.500
Chugoku Marine Paint Singapore	6.925.290.195	6.925.290.195	12.744.353.071	12.744.353.071
SAMHWA PAINTS IND CO., LTD	3.522.451.615	3.522.451.615	5.484.317.296	5.484.317.296
Công ty cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	1.011.294.129	1.011.294.129	5.429.595.086	5.429.595.086
Alinex Thailand Ltd	2.136.563.749	2.136.563.749	2.561.994.059	2.561.994.059
Phải trả người bán ngắn hạn khác	40.041.126.976	40.041.126.976	28.525.059.574	28.525.059.574
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	67.556.336.141	67.556.336.141	77.211.131.442	77.211.131.442

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		31/12/2020	
	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm
Phải nộp	2.319.826.261	60.465.285.169	58.393.030.830	4.392.080.600
Thuế giá trị gia tăng	1.829.704.509	48.624.877.971	48.383.613.531	2.070.968.949
Thuế XNK	-	1.448.285.904	1.448.285.904	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.618.511	5.195.844.185	3.520.554.211	1.901.908.485
Thuế thu nhập cá nhân	116.611.098	4.268.520.838	4.255.396.315	129.735.621
Thuế Nhà thầu	140.727.014	692.243.668	556.885.669	276.085.013
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	124.312.603	124.312.603	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.165.129	103.200.000	95.982.597	13.382.532
Phải thu	221.744.888	280.292.146	70.611.463	12.064.205
Thuế giá trị gia tăng	76.872.999	76.872.999	-	-
Thuế XNK	37.449.338	95.996.596	70.611.463	12.064.205
Thuế thu nhập doanh nghiệp	107.422.551	107.422.551	-	-

27

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	4.429.389.561	3.294.603.266
Chi phí sử dụng bản quyền phải trả CMP	1.547.800.107	1.266.543.129
Chi phí lãi vay	534.200.000	663.000.000
Trích chi phí vật tư, chi phí khác	731.226.048	1.099.600.000
Các khoản khác	404.444.137	-
Chi phí thuê kho, văn phòng	-	265.460.137
Dự phòng hàng lỗi	268.750.000	-
Chi phí sử dụng bản quyền phải trả Samhwa	942.969.269	-
Dài hạn	-	-
Tổng	4.429.389.561	3.294.603.266

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	15.386.526.507	15.130.630.490
Kinh phí công đoàn	434.890.664	474.469.332
Bảo hiểm xã hội	1.513.408	201.267
Phải trả cổ phần hóa	105.050.000	105.050.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.296.900.255	-
Phải trả, phải nộp khác	13.548.172.180	14.550.909.891
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chaillease - Chi nhánh Hà Nội	4.904.438.764	2.489.795.378
Góp vốn mua du thuyền	7.434.500.000	7.434.500.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.209.233.416	4.626.614.513
Tổng	15.386.526.507	15.130.630.490

28

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vượt cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quy định phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	135.032.229.694	57.666.956.244	12.955.796.305	304.197.081.895
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	82.225.339.752	4.916.121.225	87.141.460.977
Trích Quỹ đầu tư Phát triển	-	-	-	-	12.091.325.000	(12.091.325.000)	-	-
Chưa trả cổ tức	-	-	-	-	-	(23.881.308.000)	(1.602.000.000)	(24.943.308.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.205.058.117)	(29.953.220)	(31.510.113.37)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(4.737.379)	-	(4.737.379)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(406.138.586)	-	(406.138.586)
Phạt thuế	-	-	-	-	-	(95.255.970)	-	(95.255.970)
Số dư tại 31/12/2019	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	148.023.554.694	95.128.492.944	16.779.964.310	357.574.111.600
Số dư tại 01/01/2020	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	148.023.554.694	95.128.492.944	16.779.964.310	357.574.111.600
Lãi trong năm này	-	-	-	-	-	100.187.611.426	5.108.269.648	105.295.881.074
Trích Quỹ đầu tư Phát triển	-	-	-	-	47.112.307.763	(47.112.307.763)	-	-
Chưa trả cổ tức	-	-	-	-	-	(23.881.308.000)	-	(23.881.308.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(12.198.781.541)	(840.213.110)	(13.038.994.651)
Trích quỹ khen thưởng HĐQT	-	-	-	-	-	(2.081.000.000)	-	(2.081.000.000)
Chi trả cổ tức công ty con	-	-	-	-	-	(2.124.000.000)	(2.124.000.000)	(4.248.000.000)
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	(186.725.094)	1.209.340.483	(31.576.133)	991.039.256
Phạt thuế	-	-	-	-	-	(113.456.364)	-	(113.456.364)
Số dư tại 31/12/2020	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	194.049.137.343	109.014.611.100	18.892.444.715	420.498.592.915

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG		Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020		THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)		Mẫu B 09-DN/HN	
5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)		b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2020		Năm 2019	
		VND		VND		VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		80.071.770.000		80.071.770.000		80.071.770.000	
Vốn góp tại đầu năm		80.071.770.000		80.071.770.000		80.071.770.000	
Vốn góp tăng trong năm		-		-		-	
Vốn góp giảm trong năm		-		-		-	
Vốn góp tại cuối năm		80.071.770.000		80.071.770.000		80.071.770.000	
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		87.397.397.309		44.257.691.117		-	
c. Cổ tức		Năm 2020		Năm 2019		-	
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc năm tài chính		-		-		-	
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:		-		-		-	
d. Cổ phiếu		Năm 2020		Năm 2019		-	
		Cổ phiếu		Cổ phiếu		-	
Số lượng cổ phiếu đầu năm		8.007.177		8.007.177		-	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		-		-		-	
Cổ phiếu phổ thông		-		-		-	
Số lượng cổ phiếu được mua lại		46.741		46.741		-	
Cổ phiếu phổ thông		46.741		46.741		-	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		7.960.436		7.960.436		-	
Cổ phiếu phổ thông		7.960.436		7.960.436		-	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)		10.000		10.000		-	
5.18 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm 2020		Năm 2019		-	
		VND		VND		-	
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm		854.834.611.091		796.054.469.880		-	
Tổng		854.834.611.091		796.054.469.880		-	
Các khoản giảm trừ doanh thu		-		-		-	
Hàng bán bị trả lại		622.270.897		210.053.006		-	
Tổng		622.270.897		210.053.006		-	
Doanh thu thuần		-		-		-	
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm		854.212.340.194		795.844.416.874		-	
Tổng		854.212.340.194		795.844.416.874		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.19 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	628.401.140.313	604.804.092.463
Tổng	628.401.140.313	604.804.092.463

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.926.271.527	3.840.039.257
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.519.903.800	1.206.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	343.376.887	160.651.605
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.659.702	149.125.870
Doanh thu hợp tác kinh doanh	-	443.903.653
Doanh thu hoạt động tài chính khác	766.286	102.950.592
Tổng	13.794.978.202	5.902.670.977

5.21 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.427.072.149	19.783.483.029
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.185.476.740	1.318.017.616
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	166.257.307	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	4.335.160.000	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.685.400	-
Tổng	29.116.651.596	21.101.500.645

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.22 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí bán hàng	71.229.224.378	57.576.972.328
Chi phí nhân viên	14.624.291.276	13.251.368.567
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	93.027.267
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	383.872.887	464.717.001
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.379.172.615	1.197.891.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí bốc xếp, vận chuyển	15.656.662.461	12.859.844.086
- Chi phí quảng cáo tiếp thị	11.869.038.205	12.074.500.936
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	11.957.141.433	6.359.782.337
Chi phí bằng tiền khác	15.359.045.501	11.275.841.026
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.588.506.721	28.411.813.192
Chi phí nhân viên quản lý	13.077.116.058	12.710.674.717
Chi phí vật liệu quản lý	33.058.522	28.422.727
Chi phí đồ dùng văn phòng	858.926.358	1.296.569.196
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.421.575.435	1.569.937.205
Thuế phí và lệ phí	927.442.785	837.576.887
Chi phí dự phòng	1.224.516.813	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.885.804.889	4.558.194.058
Chi phí bằng tiền khác	8.160.065.861	7.410.438.402
Tổng	98.817.731.099	85.988.785.520

5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập khác	-	-
Thu thanh lý, bán phế liệu, vật tư, công cụ	413.210.000	6.681.885
Thu chênh lệch kiểm kê	40.609.775	21.731.961
Thu cho thuê nhà văn phòng	494.666.364	517.181.822
Các khoản khác	337.571.326	468.680.000
Tổng	1.286.057.465	1.014.275.668
Chi phí khác	-	-
Giá trị còn lại tài sản, công cụ, vật tư thanh lý	370.043.664	195.774.579
Chi phí phạt truy thu thuế GTGT, TNDN	731.540.674	53.324.637
Tổng	1.101.584.338	249.099.216
Lợi nhuận khác	184.473.127	765.176.452

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.303.266.736	531.888.754
Tổng	5.303.266.736	531.888.754

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	105.295.881.074	87.141.480.977
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	5.108.269.648	4.916.121.225
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	12.198.781.541
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	100.187.611.426	70.026.578.211
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.960.436	7.960.436
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	12.585,69	8.796,83

(*) Các khoản điều chỉnh giảm năm 2018 là khoản phân phối Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty mẹ số 16/NQ-ĐHCD ngày 24/4/2019 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng Số 2 về việc phân phối lợi nhuận.

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	461.384.988.035	563.252.778.115
Chi phí nhân công	55.589.391.743	71.513.164.305
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.249.283.568	14.039.312.524
Chi phí dự phòng	1.224.516.813	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.462.508.438	79.719.961.155
Chi phí khác bằng tiền	25.730.512.474	36.124.106.140
Tổng	623.641.201.071	764.649.322.239

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Giám đốc, Thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	7.030.886.851	4.364.921.037
Tổng		7.030.886.851	4.364.921.037

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong đó:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thủ lao thành viên Hội đồng Quản trị			
Nguyễn Văn Viên	Chủ tịch HĐQT	457.000.000	-
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	533.150.000	-
Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT	228.495.000	-
Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT	228.495.000	-
Nguyễn Mạnh Liên	Thành viên HĐQT	228.495.000	-

Thủ lao thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lê Quỳnh Chi	Trưởng BKS	152.330.000	-
Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	76.165.000	-
Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	76.165.000	-

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Nguyễn Văn Viên	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	10.500.000
Nguyễn Mạnh Liên	Thành viên HĐQT	8.000.000	8.000.000
Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	1.978.498.740	1.692.240.882
Vũ Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	1.070.968.771	943.609.627
Bùi Kim Ngọc	Kế toán trưởng	1.081.541.199	929.742.736
Lê Quỳnh Chi	Trưởng BKS	8.000.000	8.000.000
Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	654.219.385	553.918.024
Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	244.363.756	218.909.768

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng hóa và dịch vụ			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Bán hàng hóa	2.722.491.395	12.673.728.030
Công ty TNHH Vico	Bán hàng hóa	10.864.158.000	-
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	Bán hàng	52.409.004.259	71.872.757.747
	Thuê văn phòng	84.000.000	84.000.000

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ			
Công ty Cổ phần SIVICO	Mua hàng	58.400.000	-
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	Mua hàng	465.914.893	-
Chia tài Công ty con, liên doanh			
Công ty Cổ phần SIVICO	Cổ tức	486.000.000	486.000.000
Công ty TNHH Vico	Cổ tức	2.092.863.800	-
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Lãi đầu tư	336.604.526	1.123.700.000
Công ty Cổ phần Bao Bì VLC	Cổ tức	674.220.000	640.000.000
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Lãi đầu tư	5.641.637.257	2.930.597.259
	Gốc đầu tư	67.900.000.000	25.350.000.000

Số dư với các bên liên quan

		31/12/2020	01/01/2020
Các khoản phải trả		VND	VND
Công ty Cổ phần SIVICO		-	353.320.000
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam		1.011.294.129	5.429.595.086
Các khoản phải thu		31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Tính chất giao dịch		
	Bán hàng	-	979.086.169
	Tiền cổ tức	674.220.000	1.123.700.000
	Tiền đầu tư tài chính	93.250.000.000	72.450.000.000
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hòa chất Á Châu	Lãi đầu tư tài chính	5.582.418.912	26.940.781.655
	Tiền thuế	1.330.166.592	1.330.166.592
Công ty TNHH VICO	Tiền cổ tức	2.092.863.800	-
Công ty Cổ phần SIVICO	Bán hàng	-	-
	Tiền cổ tức	486.000.000	486.000.000
Công ty Cổ phần Bao Bì VLC	Bán hàng	1.540.000	1.540.000
	Tiền cổ tức	1.334.601.644	640.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Tiền đầu tư tài chính	3.900.000.000	3.900.000.000
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	Bán hàng	9.594.645.001	7.819.499.798

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc

Đoàn Thị Dung

Bùi Kim Ngọc

Nguyễn Văn Dũng